

Mi Tiên Vấn Đáp

Hòa Thượng Giới Nghiêm

Phần IV

Mi Tiên Vấn Đáp

Hòa Thượng Giới Nghiêm

Phần IV

SỰ CHUẨN BỊ CỦA ĐỨC VUA VỀ NHỮNG CÂU HỎI MENDAKA (tiếp theo).....	5
177. Đầu đà khổ hạnh có ích lợi gì?	5
178. Về con lừa	17
180. Về con sóc.....	20
181. Về con cọp cái.....	20
182. Về con cọp đực	20
183. Về con rùa nước.....	21
184. Về cái kèn.....	22
185. Về cây súng.....	23
186. Về con quạ	23
187. Về con khỉ.....	24
188. Về dây bầu leo.....	25
189. Về hoa sen	25
190. Về hạt giống	26
191. Cây Sàla xanh tốt	27
192. Về chiếc thuyền	27
193. Về ghe thuyền đánh đá ngầm.....	28
194. Về cột buồm	29
195. Về người cầm lái thuyền.....	29
196. Về người làm công	30
197. Về biển cả	30
198. Về quả đất.....	33
199. Về nước	34

200. Về lửa.....	35
201. Về gió	36
202. Về núi	36
203. Về hư không.....	37
204. Về mặt trăng.....	38
205. Về mặt trời.....	39
206. Về trời Đế thích	40
207. Về Chuyển luân Thánh vương.....	40
208. Về con mối	41
209. Về con mèo	41
210. Về con chuột	42
211. Về con bò cạp.....	42
212. Về con chồn	42
213. Về chó rừng.....	42
214. Về con nai	43
215. Về con bò	44
216. Về con heo	44
217. Về con voi.....	45
218. Về sư tử	46
219. Về vịt nước.....	48
220. Về chim Venàhikà mái	48
221. Về chim sẻ.....	49
222. Về chim cu.....	49
223. Về con rít.....	50
224. Về con dơi.....	50
225. Về con đĩa	50

226. Về con rắn	51
227. Về con trăn	51
228. Về nhện giăng lưới	52
229. Về hài nhi	52
230. Về rùa vàng	52
231. Về rùng	52
232. Về cây đại thọ.....	53
233. Về mưa.....	53
234. Về ngọc mani.....	54
235. Về người săn bắn.....	55
236. Về người câu cá	55
237. Về thợ bào gỗ.....	56
238. Về người thợ gổm	56
239. Về con quạ	56
240. Về cái dù	57
241. Về đám ruộng.....	57
242. Thuốc trị độc rắn.....	58
243. Về vật thực	58
244. Về người bán cung	58
III. SAU CUỘC VẤN ĐÁP	61

SỰ CHUẨN BỊ CỦA ĐỨC VUA VỀ NHỮNG CÂU HỎI MENDAKA (tiếp theo)

177. Đầu đà khổ hạnh có ích lợi gì?

Đêm ấy trở về, đức vua Mi-lan-đà không chợp mắt; có những ý nghĩa, những tư tưởng cứ làm rằm trong đầu: "*Kinh đô chánh pháp vĩ đại quá, huy hoàng quá. Chợ bán hoa, chợ bán vật thơm... chợ bán quả... cũng phong phú dường bao? Các vị pháp chủ, quân sư, quan tòa, luật sư đoàn... chẳng khác gì một vương quốc thịnh trị... Ai đến quốc độ ấy cũng tìm cho mình cái hay, cái lạ, cái đẹp... Ồ! mà tội gì lại đi mua hàng đắt quá? Kiếm cái rẻ nhất mà mua, mang về... một thời gian sau là giá trị ngang nhau cả thấy... Ví như có món hàng tam quy, ngũ giới, bố thí... là của người cư sĩ. Mà theo đại đức Na tiên bảo, là cư sĩ cũng có thể đắc quả A-la-hán. Vậy thì cần gì phải bước vào câu lạc bộ của bậc xuất gia? Và cần gì lại mua món hàng mười ba pháp đầu đà khổ hạnh; đã khổn khổ, đã hành thân hoại thể mà kết quả cũng ngang nhau?!"*

Từ khi câu hỏi ấy khởi lên, đức vua Mi-lan-đà cứ xốn xang, bứt rứt trong lòng, cứ nóng nảy mong chờ cho trời mau sáng. Thật giống như bò khát nước đến tận cùng, hồi hải bước xuống dòng khe. Hoặc như người đói cơm bươn bả đi tìm một củ khoai đỡ dạ. Thẳng hoặc, ví như người đi bộ đường xa nắng gắt, mong chờ một chiếc xe ngựa để quá giang. Nếu không như thế thì giống như bệnh nhân nằm liệt giường, chờ thầy thuốc đến cứu. Không như thế thì như kẻ đói cơm rách áo mơ ước có vài xu. Hay như kẻ kia qua sông đang ngóng đợi đò cập bến. Hoặc ví như gã tình si mong gặp người mình yêu. Hoặc như gã thối kèn cầu cho người nghe tán thưởng. Nếu không như thế thì như người sợ ma dọc đường mong chóng trở về nhà v.v... Vì tất cả cơ ấy, lý do ấy, mà khi trời chưa rạng sáng, đức vua Mi-lan-đà đã hối hải bảo quân hầu thẳng kiệu đến ngay chỗ đại đức Na tiên. Các tập tục xã giao nghiêng mình chào hỏi, đức vua cũng chỉ làm cho có lệ. Tuy nhiên, cái đầu óc thông tuệ, suy nghĩ nhanh nhạy của đức vua trước khi cất tiếng hỏi, đã khởi lên một tư duy mười điểm còn nhanh hơn luồng sao xẹt:

Thứ nhất, khi ta hỏi, ngài đáp xong, tất ta sẽ cắt đứt được mối nghi ngờ.

Thứ hai, tâm ta sẽ trong sạch, vắng lặng trở lại.

Thứ ba, ta sẽ không còn loay hoay với những câu hỏi vô nghĩa lý nữa.

Thứ tư, từ sái quấy, tâm ta sẽ chuyển qua cái đúng, cái chánh.

Thứ năm, ta sẽ được bơi trong giòng pháp và đắc tuệ nhãn.

Thứ sáu, đại đức này sẽ coi ta cũng là kẻ xứng đáng được học Pháp.

Thứ bảy, ta sẽ trú trong thiện pháp chẳng có gì ngăn ngại được.

Thứ tám, ta sẽ dễ dàng đi vào pháp xuất thế gian.

Thứ chín, ta sẽ không còn sợ hãi trong tam giới.

Thứ mười, ta sẽ được sáp nhập hội chúng thánh pháp mau lẹ, linh mãnh.

Nghĩ thế xong, đức vua Mi-lan-đà hỏi:

- Thừa đại đức! Có một câu hỏi mà trước đây bản tăng đã hỏi, nhưng hôm nay cũng cùng câu hỏi ấy nhưng mục đích hơi lệch sang hướng khác một chút. Mong đại vương hãy nhẫn nại!

- Tâu, vâng, bản tăng sẽ nhẫn nại - tuy nhiên, nếu có câu hỏi cũ mà đại vương chưa thông suốt, bản tăng cũng có thể nói lại một cách vui vẻ, thoải mái, không sao cả!

- Thế thì tốt. Bản tăng hỏi đây, một người tại gia thọ dụng ngũ dục, nằm ngủ với vợ, chen chúc với con cái, trang phục gấm vóc lụa là, trang điểm tràng hoa, xức vật thơm, thỏa thích ngọc vàng, chăn gấm, nệm nhung, uống ăn mỹ vị, cao sang... nhưng nếu họ thực hành chơn chánh bát chánh đạo, họ có đắc được đạo quả chăng?

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Đắm say ngũ dục mà thực hành chánh pháp, mong đắc đạo thì làm sao được, đại vương? Đừng nói là nhiều người đắc đạo - mà chỉ một phần trăm, một phần hai trăm, một phần ngàn, thậm chí một phần mười triệu trong số ấy cũng không có đâu, đại vương!

- Ý đại đức nói là cư sĩ có vợ con gia đình, tài sản giàu sang... nếu thực hành chơn chánh cũng không đắc đạo quả sao?

- Ai nói với đại vương như thế?

- Chẳng lẽ...?

- Ô! Bản tăng nói thế này: người cư sĩ tại gia sống đời ngũ dục, thọ hưởng ngũ dục mà không đắm say ngũ dục... biết tuân tự thứ lớp tu tập từ thấp đến cao, từ ngoài vào trong... thì sẽ đắc đạo quả; không những chỉ có một trăm, hai trăm... mà là hàng ngàn, hàng ức, hàng triệu - tâu đại vương!

- Xin đại đức nói cho rõ hơn về tuân tự, thứ lớp ấy?

- Tâu, vâng. Đắm say ngũ dục mà tu tập không phải là nhân để đạt đạo. Có đời sống ngũ dục mà không đắm say ngũ dục, cộng với sự tu tập theo chánh pháp mới là nhân để đạt đạo! Đại vương đã rõ điều này chưa?

- Thưa, rõ!

- Còn tu tập thứ lớp - nghĩa là tu tập theo thứ lớp mà Đức Phật thường dạy cho người tại gia, ấy là: *đức tin, trì giới, nghe pháp, bố thí, thiền định, thiền tuệ...* Cộng tất cả điều ấy gọi là nhân; có thực tập nhân ấy, thành tựu nhân ấy thì quả mới thành. Ví như nước mưa rơi xuống tràn hồ, tràn sông, tràn khe, tràn suối, tràn ruộng, tràn nương... tất cả nước tràn ấy, cuối cùng sẽ trôi về biển cả. Cũng vậy, khi các cái gọi là đức tin, trì giới, nghe pháp, bố thí, thiền định, thiền tuệ... viên mãn rồi... tất nhiên sẽ tuôn chảy về biển giác ngộ... Ví như có người nông phu, ruộng đã cày bừa rồi, vô nước rồi, phân bón rồi, gieo hạt rồi, mạ lên rồi, nhổ cỏ rồi, săn sóc rồi... thì chỉ còn đợi ngày lúa chín, gặt hái, phơi khô cất vào bồ mà thôi! Chính tu tập thứ lớp, qua các công đoạn tu tập - là nhân tố đưa người ấy đến thành công.

Ví như một người đếm số, ban đầu đếm chậm, sau đếm nhanh, rồi sẽ trở thành bậc thầy đếm số. Ví như một người học toán, ban đầu tập cộng trừ nhân chia, lần hồi tính ra được lúa gạo trong một đò gánh, mười đò gánh, trăm đò gánh...

Cũng như thế, tu tập lần lần, đức tin sẽ tăng trưởng, trì giới sẽ tốt hơn, nghe pháp chăm chuyên hơn, bố thí nhẹ nhàng hơn, thiền định kiên cố hơn, thiền tuệ sáng suốt hơn. Gom tất cả chúng lại, làm sao mà không đạt đạo được hờ đại vương?!

- Trẫm hiểu rồi. Mà đạt đạo có nhiều thật không đại đức?

- Vô lượng số!

- Thật ư?

- Tâu, cận sự nam nữ thành Sàvatthi đắc A-na-hàm đạo, A-na-hàm quả, bàn tặng nhớ không lầm là ba ức, năm vạn và bảy ngàn; tâu đại vương!

- Kinh khủng!

- Khi Đức Thế Tôn hóa phép lạ, khi thuyết về kinh giáo giới La hầu la, khi thuyết về kinh đại hạnh phúc... chư thiên đắc quả không đếm xiết được, tâu đại vương!

- Khiếp!

- Khi Đức Tôn sư thuyết pháp ở xứ Nàlykàya, thuyết nơi bảo tháp Pàsanakacetiya, thuyết pháp nhân người xấu tràng hoa cúng dường... thì cả thầy chư thiên và người tại gia cư sĩ thoát khổ hoặc đắc pháp cao siêu, thắng nghĩa pháp... cũng đến con số... bất khả tư nghì - tâu đại vương!

- Trẫm hiểu rồi!

- Đừng nghĩ chư thiên ấy là bậc xuất gia! Họ tại gia cả đấy, họ sống trong vinh hoa và ngòi trên ngũ dục cả đấy, tâu đại vương!

- Vâng!

- Đừng nghĩ người tại gia ấy không có ngũ dục. Rất nhiều người trong bọn họ búi tóc bằng ngọc tía, đeo cổ tay cổ chân bằng bạc, bằng vàng, vợ con thì thiếp có đủ, xa hoa lộ liễu có đủ, y phục vua trời có đủ. Chỉ có điều họ sử dụng, họ thọ hưởng ngũ dục không như ruồi kiến chết trong hũ mật, không như đồng tiền của gã trọc phú cho vay nặng lãi, không như kẻ đói cơm vét nạo cả mảng chấy, tâu đại vương!

Nghe đến ngang đây, đức vua Mi-lan-đà mới tùm tùm cười rồi bắt đầu phản công:

- Thừa đại đức! Ở nhà có vợ nâng khăn sửa túi, có con cái hầu cơm hầu nước, có nệm ấm chăn êm lúc đông giá, có lầu cao hóng mát lúc hanh hè, có bạc tiền rủng rỉnh cho kẻ ăn người ở, có võng kiệu, xe pháo lui tới đỡ mỗi chân, có thức ăn ngon vừa dạ, vừa khẩu, có bạc vàng trang điểm lấp lánh cao sang, có hoa thơm hương nồng phảng phất bên gối...! Có cái là đừng đấm quá mà thôi. Có cái là đừng tà mạng, trước hạnh mà thôi. Có cái là đừng gian trá độc ác thì thôi. Có cái là đừng vọng ngôn loạn ngữ mà thôi. Có cái là đừng rượu chè be bét mà thôi. Có cái là đừng trộm cắp, gian xảo thì thôi. Có cái là đừng cất cổ cho mượn một láy mượn v.v... Thế là có thể tu hành mà thành Thánh quả. Còn hơn các vị tu hành cực khổ, nhất là các vị tu mười ba pháp đầu đà khổ hạnh, thật là tội nghiệp. Khỏi kể ra đây mười ba pháp đầu đà, nhưng đại khái là cuộc sống của họ còn tệ hơn một kẻ nghèo nàn nhất trên trần thế, chẳng có một nhu cầu tối thiểu. Sao các vị ấy mang nghiệp chi mà nặng thế, đại đức?

- Đại vương cứ nói tiếp đi!

- Vâng, bệnh rất nhẹ, chữa sơ sơ cũng lành, cần gì bốn ba đi tìm thầy thuốc trừ danh? Giết con muỗi thì hơi đâu mà sấm sừa cung tên? Chặt củ khoai thì hơi đâu tìm kiếm bảo đao? Làm chuồng cho heo ở thì cần gì đi kiếm loại danh mộc? Qua nương nước vài ba sải mà đòi sấm chiếc hải dương thuyền? Múc nước trong hủ mà đòi sấm cái gàu tát ruộng? Vật thực, y phục, nhà cửa của mình vứt đi mà lại đi xin ăn từng muống, lượm vải tử thi mà mặc, ngồi dưới cội cây mà nghỉ?

Thưa đại đức! Đây là việc làm lạ đời khó hiểu của những ông sa môn thọ mười ba pháp đầu đà! Họ đại, họ ngu, họ si, hay làm như thế để chứng tỏ mình tu hành ghê gớm, khiếp đảm?

- Quả thật là bản án của một vị quan tòa. Luận cứ đưa ra của đại vương thật là đanh thép, hùng hồn. Tuy nhiên, nếu đại vương nhận ra công năng diệu dụng của mười ba pháp đầu đà thì có lẽ đại vương không nói thế nữa.

Tại gia tu hành chơn chính cũng đạt đạo, đạt đạo rất nhiều là khác. Nhưng một vị sa môn, một tỳ khưu thọ mười ba pháp đầu đà là đã gần kề bên Niết bàn, lại còn lợi ích cho chúng sanh không kể xiết nữa, tâu đại vương! Chính sự lợi ích cho chúng sanh, nêu gương cho chúng sanh - thì một trăm cư sĩ đạt đạo, ngàn cư sĩ đạt đạo - cũng không bằng một tỳ khưu hành mười ba pháp đầu đà đắc đạo đâu, tâu đại vương!

- Xin đại đức cứ tiếp tục.

- Bây giờ đại vương thử lắng nghe hai mươi tám đức tính cao thượng, siêu việt của mười ba pháp đầu đà khổ hạnh:

Thứ nhất là, nuôi mạng trong sạch.

Hai là, an lạc quả, hạnh phúc quả.

Ba là sống đời vô tội.

Thứ tư, giảm nỗi khổ cho người khác.

Thứ năm, không sợ hãi.

Thứ sáu, không tổn hại ai.

Bảy là, lộ trình tiến hóa.

Tám là, xa lìa điều bộ hợm hĩnh, khoe khoang.

Thứ chín, xa lìa say mê.

Thứ mười, hộ trì, giữ gìn mình.

Mười một, mọi người thương tưởng.
Mười hai, giáo hóa mình.
Mười ba, buông dao, buông trượng.
Mười bốn, rèn luyện sự thu thúc.
Mười lăm, thực hành (mục đích) đúng đắn, thuận lợi.

Mười sáu, làm cho mình vắng lặng.
Mười bảy, làm cho mình thoát khỏi phiền não.
Mười tám, dứt sự luyến ái.
Mười chín, giảm trừ sân hận.
Hai mươi, tháo gỡ si mê.

Hai mươi một, tiêu diệt ngã chấp.
Hai mươi hai, cắt đứt tư duy xấu xa.
Hai mươi ba, vượt hoài nghi.
Hai mươi bốn, trừ lười biếng.
Hai mươi lăm, tương tư không có chỗ nương.

Hai mươi sáu, hành nhẫn nại.
Hai mươi bảy, đức tính độ lượng vô giới hạn.
Hai mươi tám, diệt tận khổ đau.

Nếu không có hai mươi tám đức tính như thế thì có thể là mười tám đức tính sau đây:

Một là, hạnh kiểm thuần khiết.
Hai là, thực hành hoàn thiện hạnh kiểm.
Ba là, giữ gìn, bảo vệ thân khẩu.
Bốn là, tâm trong sạch.
Năm, bám chặt được sự tinh tấn.

Sáu, dứt trừ lo sợ.
Bảy, dứt trừ ngã kiến.
Tám, dứt trừ kết oán.
Chín, trú vững trong tâm từ.
Mười, nhận lãnh vật thực sao cũng được

Mười một, có tâm thương tưởng, bình đẳng và tôn trọng tất cả mọi người.
Mười hai, biết tiết độ trong vật thực.
Mười ba, hằng thức tỉnh.

*Mười bốn, không lưu luyến chỗ ở.
Mười lăm, trú chỗ nào cũng an lạc.*

*Mười sáu, người ghét điều ác.
Mười bảy, mến thích nơi thanh vắng.
Mười tám, không dễ duôi, buông xuôi.*

Đại vương! Ngài đừng tưởng ai cũng có thể thực hành mười ba pháp đầu đà được. Họ phải có những đức tính sau đây:

*Thứ nhất, có đức tin.
Thứ hai, có tà, quý.
Thứ ba, người mạnh khỏe (không bệnh hoạn, tàn tật).
Thứ tư, thuần thực trong việc tìm kiếm chân lợi ích.
Thứ năm, là người có nhiệt tình, chín chắn.*

*Thứ sáu, có trí tuệ.
Thứ bảy, ham thích học hỏi, có kiến thức.
Thứ tám, thọ trì kiên định.
Thứ chín, ít tìm lỗi người khác.
Thứ mười, trú tâm từ.*

Người có đủ mười đức tính ấy mới xứng đáng thọ mười ba pháp đầu đà khổ hạnh.

Người tại gia là kẻ thỏa thích và dính mắc trong ngũ dục thì khó mà thực hành chánh pháp để đắc đạo quả. Tuy nhiên, có những cư sĩ tại gia vẫn sống đời ngũ dục mà họ tu tập cũng đắc quả, là do nhờ nhiều kiếp về trước họ có tu hạnh đầu đà rồi. Chính nhờ có tu hạnh đầu đà rồi nên trong tâm họ đã thành tựu ít nhiều những phẩm chất cao đẹp - nên kiếp này, họ không cần phải thọ đầu đà nữa; chỉ nhờ nghe pháp, thực hành pháp họ có thể đắc đạo quả được. Họ chỉ tiếp tục làm lại công việc trước đây, thành tựu các công đoạn đang còn dang dở đấy thôi, tâu đại vương!

- Vâng, trẫm đang nghe.

- Ví như một người bán cung thiện xảo, trở tài trước đức vua; và được đức vua ban thưởng trọng hậu như voi ngựa, tôi trai, tớ gái, thê thiếp... cùng rất nhiều của cải, tài sản v.v... Người bán cung kia có phải là một sớm một chiều mà có được tài nghệ như thế đâu? Hẳn phải trải qua nhiều thời gian, nhiều năm công phu khổ luyện, phải không đại vương? Ví dụ ấy như thế nào thì người cư sĩ kia

cũng y như thế! Người cư sĩ ấy bây giờ được phần thưởng cao quý là đạo quả Thánh nhân, là do nhờ y cũng đã từng công phu khổ hạnh mười ba pháp đầu đà dài lâu từ nhiều kiếp trước. Vậy đại vương đừng đặt những câu hỏi mà chưa tra vấn rõ nguồn căn, chưa hiểu rõ về nhân về quả như thế!

- Thưa vâng!

- Một vị thầy thuốc nổi tiếng, được mọi người kính trọng, yêu mến; cái tài ấy tỏa ra cái đức ấy, không phải bỗng dưng mà ông ta có được. Chẳng rõ là đã bao năm bao tháng trước đây, ông ta đã tìm học thầy này, thầy kia; tự mình tìm tòi, tra vấn, học hỏi, nghiên cứu... phải vậy không đại vương?

- Thưa, vâng!

- Buổi sớm, đại vương ra vườn, thanh thân dạo chơi, thấy trái ngọt đầu cành bèn hái ăn. Mọi người trầm trồ nói đức vua có phước, có trái ăn ngay vừa lòng mát dạ! Cái phước ấy không phải tự nó có, trái cây ngon ngọt kia chẳng phải nó bỗng dưng sanh ra! Hẳn là nhiều năm trước đây đại vương đã khởi ý trồng loại cây này, bèn giao cho người làm vườn, tìm giống, ươm hạt, chăm sóc, phân bón, tưới nước v.v... Nhờ khổ lao ấy, trái ngọt mới thành, phải không đại vương?

- Thưa, vâng!

- Trên đời này bất kỳ một thành tựu to lớn nào cũng đều phải được trả giá đánh đổi đầu óc, công phu và thời gian. Chẳng có đầu óc, công phu và thời gian, lẽ nào người cư sĩ tại gia kia lại đạt đạo quả cao siêu phải không đại vương?

- Thưa vâng!

- Theo bản tạng hiểu, người cư sĩ ấy trước đây đã thọ mười ba pháp đầu đà, đã đắc được quả vị Tu đà hườn; khi từ giả cõi đời, tử tâm cuối cùng hướng về thiện đạo nên được sanh làm người giàu sang. Phước báu ấy người kia vẫn thọ hưởng, nhưng tâm bậc thánh đã vào dòng rồi, thì đôi khi chỉ nghe một câu kệ là có thể diệt tận lậu hoặc; đâu cần gì tu tập cho nhiều, công phu cho lắm hử đại vương!

- Ô! Thế thì trăm đã vỡ mọi lẽ rồi!

- Nói về công năng, diệu dụng của mười ba pháp đầu đà thì không sao kể xiết được, tâu đại vương! Ngài có muốn nghe thêm chăng?

- Vàng, trầm rất muốn. Trầm muốn trang bị cho mình những kiến thức ấy, khả dĩ rửa sạch bụi bặm cho mình và cho người khác.

- Thiện tai! Vậy thì trầm sẽ nói đây.

Mười ba pháp đầu đà này, trước hết, được ví như đất, vì đất là nơi nương tựa của mọi loài. Pháp đầu đà là nơi nương tựa, sanh trưởng của mọi thiện pháp.

Nó được ví như nước, bởi nước rửa sạch bụi bặm, dơ dáy - pháp đầu đà rửa sạch trần cấu, ác uế.

Nó được ví như lửa đốt cháy mọi vật - pháp đầu đà thiêu hủy phiền não.

Ví như gió, thổi quạt đi tất cả mọi khí, mọi mùi; Pháp đầu đà cũng thế, nó thổi quạt đi tất cả khí vị trần gian, dù thanh hay trược, dù thơm hay thối!

Nó được ví như thuốc để chữa bệnh - pháp đầu đà đối trị tất cả tâm bệnh của tất cả con người.

Ví như nước trường sanh - pháp đầu đà cho mọi người nếm thường nước cam lồ bất tử.

Nó được ví như ruộng, sinh lúa gạo - pháp đầu đà là ruộng phước cho chư thiên và loài người.

Nó được ví như ngọc như ý, thành tựu ước nguyện - pháp đầu đà cũng thành tựu ba cõi người, trời và Niết bàn như ý nguyện.

Nó được ví như thuyền to vượt qua biển lớn - thì pháp đầu đà cũng là chiếc thuyền kiên cố để vượt qua đại dương sinh tử ái hà.

Ví như có một nơi chốn an vui, thoát khỏi mọi sợ hãi - pháp đầu đà cũng là chỗ nương tựa, thoát khỏi mọi sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

Ví như người mẹ hằng nuôi dưỡng và bảo vệ con thoát khỏi mọi điều rủi ro, tai hại - pháp đầu đà cũng hằng nuôi dưỡng và bảo vệ chúng sanh y như thế.

Pháp đầu đà cũng có thể được ví như người cha, là nguyên nhân sanh con - pháp đầu đà cũng là người cha, nguyên nhân để sanh sa môn quả.

Nó được ví như người bạn tốt hằng giúp đỡ ta thành công trên đường đời - pháp đầu đà là người bạn lành giúp đỡ ta trên đường tiến hóa.

Ví như hoa sen không dính nước - pháp đầu đà cũng không dính nước ái dục và si mê.

Ví như những vật thơm có thể tẩy uế - pháp đầu đà cũng tẩy sạch những uế trược.

Nó được ví như Tu di sơn không bị lay động bởi bão, gió - pháp đầu đà cũng không hề lay động bởi tám ngọn gió thế gian.

Ví như hư không rộng rãi thênh thang không cùng tốt - pháp đầu đà cũng mênh mông không mé bờ. Hư không không có kẻ thù và ai đến quấy rối thì pháp đầu đà cũng y như thế.

Ví như con sông lớn chở bao nhiêu rác rêu đất cát về biển cả - pháp đầu đà cũng cuốn trôi tất thảy xấu ác, bợn nhơ, trần uế...

Ví như người dẫn đường cho kẻ bộ hành khỏi lầm đường, lạc nẻo - pháp đầu đà cũng dẫn đường cho hành giả khỏi rơi và các mê lộ, tà kiến.

Ví như người lái buôn chở hàng hóa đến nơi thị tứ - pháp đầu đà cũng chuyên chở chúng sanh đến cõi niềm an vui.

Ví như mặt trăng có ánh sáng mát dịu - pháp đầu đà cũng mát mẻ thanh lương và tắm dịu lòng người.

Ví như mặt trời, hằng xuyên thủng mây mù, pháp đầu đà cũng xuyên phá hôn ám, vô minh.

Ngoài ra, pháp đầu đà còn:

Làm thành tựu tư cách;

Là nơi thương yêu của mọi người;

Nơi không có tội lỗi;

Nơi viên mãn đức lành;

Nơi của những trạng thái tâm cao thượng;

Dứt trừ ưu sầu, nóng nảy, rối rắm;

Chận đường tái sanh v.v...

Như nước tưới thấm mầm cây;

Như lửa để nấu nướng đồ ăn;

Như là hầm tài sản của mọi người;

Như được thân cận bạn lành, người dũng cảm;

Như người hầu hạ mong được quan tước;

*Như nơi dạy học trò học nghệ;
Như cái kiếng để soi mặt;
Như y phục để mặc;
Như rương hòm cất đồ đạc;
Như đèn đốt ban đêm;
Như vương lệnh ban hành ngăn phạm luật;
Nơi thành tựu sa môn quả;
Nơi thành tựu lục thông;
Đạt kết quả mau lẹ;
Ngăn ngừa giới phạm.*

Tâu đại vương, lợi ích, diệu dụng, đức tính, công năng của mười ba pháp đầu đà cao thượng và phong phú như thế, nên những hạng người sau đây không thể thực hành được:

*Một là, người có tâm ganh tỵ.
Hai là, người giả dối.
Ba là, người tham muốn thấp hèn.
Bốn là, người chỉ nghĩ đến miệng và bụng.
Năm là, người ham lợi lộc.
Sáu là, người cầu danh.
Bảy là, người ham vinh dự.*

Bảy hạng người ấy không thể thọ đầu đà mười ba pháp, nếu có thì cũng làm cho sự thọ trì ấy bị hư hỏng; họ sẽ bị mọi người khinh bỉ, chê bai, giễu cợt, ruồng bỏ, lánh xa v.v... Trong hiện tại thì như thế, còn vị lai thì sẽ phải chịu nhiều quả báo đau khổ, bị lửa địa ngục thiêu đốt, lửa cháy phần trên và phần dưới. Hết địa ngục họ sanh làm ngựa quỳ có thân hình to lớn, có sắc thân xấu xí, hôi hám; thân chỉ là cái lỗ trống rỗng, tai thông xuống, chịu đói khát triền miên, chịu khổ vô cùng tận; bị lửa phụt từ trong thân ra đặng miệng, có da bọc xương, bị đòi đục khọt v.v...

Nói tóm là người thiếu phước, thiếu căn duyên, có nghiệp nặng, có kiếp sống thấp hèn, hạ liệt không thể thọ mười ba pháp đầu đà được; như kẻ lên làm vua mà thiếu đức, thiếu phước sẽ tự rước khổ vào mình. Chỉ có những vị tỳ khưu tri túc, tinh tấn, siêng năng, không bỏ điếu, có đức tin... có chí nguyện xa lìa sinh tử - mới thọ trì được.

Quả thật, pháp đầu đà như thuốc dành cho người bệnh, như hoa thơm, như ngọc như ý, như ngai vàng và bảo cái của đức vua... Người thực hành mười ba pháp đầu đà trước sau cũng sẽ đắc thắng trí thần thông hoặc Niết bàn an lạc, tâu đại vương!

Nghe đến đây, đức vua Mi-lan-đà nói:

- Trẫm cảm thấy choáng ngợp trước lợi ích quá to lớn, kỳ vĩ và nhiều đến vô lượng như thế.

- Dĩ nhiên rồi! Vì đây là sự mến yêu, là sở thích, là lộ trình của chư Phật, và cũng là cõi về của chư vị Thánh nhân. Ai cũng phải đi qua lộ trình ấy, đã từng thực hành pháp ấy nên mọi công phu, công hạnh dễ dàng được trở quả. Họ dễ dàng nhập định, dễ dàng an trú lạc mãn, hỷ mãn, dễ dàng chứng đắc các pháp cao siêu.

Ví như một thửa ruộng đã cày bừa sẵn, phân nước đầy đủ, bây giờ chỉ vài lúa là hạt nảy mầm thành đám ruộng xanh tốt. Các vị đã thực hành đầu đà kiếp trước rồi, kiếp này cũng dễ viên toàn công hạnh như thế.

Ví như vị thái tử lên ngôi vua, nhờ vương vị ấy do vua cha đã dày công hăn mã gầy dựng nên, lại còn do phước phần mà vị thái tử ấy đã tạo trong kiếp trước. Các vị trưởng tử của Đức Phật được thừa hưởng pháp bảo của Đức Tôn Sư, nhưng cũng chính là do nhờ các ngài đã công phu khổ hạnh đầu đà nhiều kiếp. Cho hay, đầu đà mười ba pháp kia là nguyên nhân cần thiết, tất yếu cho mọi thành tựu quả vị tâu đại vương!

- Thừa vâng!

- Đức Phật cũng thường tán dương những vị tỳ khưu tinh tấn thọ đầu đà. Đức pháp chủ Xá-lợi-phất là bậc tối thượng Thịnh văn cũng thọ trì mười ba pháp đầu đà, nên đã thành tựu vô lượng trí tuệ, vô lượng đức tính quý báu - mà ngoài Đức Thế Tôn ra, không ai sánh bằng, tâu đại vương!

- Vâng, quả là lợi ích tối thượng - đức vua Mi-lan-đà nói - Trẫm xin rút lại lời nói ban đầu, đại đức nhé!

NHỮNG CÂU HỎI VỀ VÍ DỤ

- Thừa đại đức! một vị tỳ khưu muốn chứng đắc A-la-hán, cần phải thành tựu mấy điều kiện?

- Nhiều lắm, tâu đại vương. Muốn tỏ ngộ Niết bàn, vị tỳ khưu ấy phải cần bắt chước:

*Những tập tính của con lừa,
Những tập tính của con gà,
Những tập tính của con sóc,
Tập tính của cọp cái,
Tập tính của cọp đực,
Tập tính của con rùa,
Như cây kèn,
Như cây súng,
Như con quạ,
Như con khỉ v.v...*

178. Về con lừa

- Ý nói tập tính như con lừa, là thế nào hả đại đức?

- Tâu, nghĩa là vị tỳ khưu phải tập theo, phải sống theo *một điểm, một điều, một chi* đặc biệt của con lừa. Con lừa không bao giờ kén chọn chỗ nằm. Nó có thể nằm nơi đồng rác, nơi ngã tư đường, nơi pháp trường, nơi cửa nhà hoặc nơi đồng trâu, hay bất kỳ đâu cũng được cả. Nhưng lừa thường không nằm lâu quá, nằm nhiều quá, nó đứng dậy rồi đi sang chỗ khác. Vị tỳ khưu sống đời *tri túc*, không dính mắc chỗ ở, đừng quan trọng hóa cái thân, không ở lâu một nơi, ngủ nghỉ chút ít cũng y như thế. Nằm trên lớp cỏ, nằm trên cây trải ra, trên giường ghé hoặc trên đồng lá... Nghĩa là ở đâu cũng được, ở đâu cũng vô ngại. Điều quan trọng là đừng ngủ nghỉ quá lâu, quá nhiều, thường thức tỉnh để đi kinh hành, thiền tọa hoặc dời sang trú xứ khác.

Đức Phật có dạy rằng: "*Nay các thầy! Các thầy hãy coi thân này như khúc cây, như khúc củi, để ở đâu cũng dựng, đặt ở đâu cũng được, nằm ở đâu cũng xong; nhưng các thầy phải cố gắng tu tập chỉ tịnh, quán minh. Ấy mới thật là chỗ nằm, chỗ nghỉ của các thầy đấy*".

Đức Pháp chủ Xá-lợi-phất cũng dạy, là các vị tỳ khưu ở đâu cũng phải tọa thiền, phải biết xa lìa niềm vui hời hợt, phù phiếm; phải biết quên cái thân đi vì hạnh phúc tối thượng là Niết bàn.

Tâu đại vương! *Một điểm, một điều, một chi* của con lừa là như thế ấy!

- Thưa, vâng.

179. Về con gà

- Thế như con gà là sao ạ?

- Con gà có những *năm điểm, năm điều, năm chi* đặc biệt, tâu đại vương.

- Xin cho nghe

- Vâng, đại vương hãy nghe đây:

Suốt đêm gà luôn luôn tỉnh thức, chỉ một tiếng động nhẹ là nó biết ngay. Trời còn mờ mờ sáng, gà không bước ra khỏi chuồng. Một vị tỳ khưu cũng cần phải tỉnh thức như thế. Trời còn sớm không nên ôm bát khát thực ra khỏi chùa, phải lo các công việc quét lau thớt, vườn, chùa, bảo tháp v.v... Rồi còn làm vệ sinh, múc nước đầy chỗ này chỗ kia, tìm đánh lễ thầy tổ hoặc các vị tỳ khưu cao hạ...

Điểm thứ hai của gà là trời sáng rõ đường mới xuống chuồng đi kiếm ăn, nó lang thang từ chỗ này sang chỗ khác. Một vị tỳ khưu cũng nên như thế, sau công việc ở chùa xong mới đi trì bình khát thực; cũng lang thang từ nhà này sang nhà nọ, từ con đường này sang con đường khác. Gà tuy kiếm miếng ăn nhưng luôn luôn đề phòng kẻ thù tấn công như chồn, cáo, diều hâu v.v.. Vị tỳ khưu cũng y như vậy, dầu khát thực xin ăn nhưng cũng phải cảnh giác đề phòng tâm hươu ý vượn, phải thu thúc thân khẩu ý v.v...

Điểm thứ ba, khi ăn vật thực, gà rất chăm chú, rất cảnh giác. Nó lấy chân khều vật thực, bươi vật thực ra rồi mới ăn; ngon cũng ăn, dở cũng ăn, nhưng chỗ này một chút, chỗ kia một chút. Vị tỳ khưu cũng như thế nào có khác gì? Khi ăn cũng phải chánh niệm, tỉnh giác. Ngon cũng ăn mà dở cũng ăn. Vật thực kiếm được chỗ này một ít, chỗ kia một ít. Khi ăn cũng phải "khều" phải "bươi" vật thực ra mà quán tưởng: "*vật thực này có gì đâu, nó là đất, nước, lửa, gió đấy thôi; thích thú mà làm gì, thỏa mãn mà làm gì! Ta ăn là để duy trì sức khỏe và sự sống mà tu hành; chẳng nên ăn để trang điểm cái thân, dưỡng cái thân cho mập mạp; chẳng nên ăn để mà chơi, để nô đùa, lêu lổng...*" Đức Phật còn dạy các vị tỳ khưu, ăn chỉ là chuyện bất đắc dĩ: "*Này các thầy! Các thầy còn phải quán tưởng sự ăn, như là ăn thịt con mình trên lộ trình qua sa mạc, chẳng sung sướng, khoái khẩu gì đâu. Rơi nước mắt xót thương cho chúng sanh là khác. Miếng ăn cũng tương tự như tra dầu và mở vào trục xe, giúp cho chiếc xe có trơn mà lên đường. Cũng vậy, các thầy chỉ nên coi sự ăn là tra dầu và mở cho chiếc xe trên lộ trình vượt qua sinh tử mà thôi!"*

Điểm thứ tư, ban đêm gà mắt mờ nhưng ban ngày mắt gà rất sáng, rất tỏ tường cả cây kim, sợi chỉ. Chạng vạng tối, khi gà lên chuồng là mắt mờ hẳn, dường như đui hẳn. Các vị tỳ khưu cũng nên mượn con mắt sáng của gà trong ban ngày, mượn con mắt đui của gà ban đêm. Khi trì bình khát thực trong xóm làng, vào thành phố... tâm các thầy rất tỉnh thức, mắt các thầy rất sáng nhưng cũng phải làm như đui, không thấy, không biết gì hết. Khi giao tiếp với ngũ trần: sắc tướng, âm thanh, khí, vị v.v... các vị tỳ khưu giả đui, giả điếc, giả câm v.v...

Thật đúng như Đức Đại Ca-chiên-diên (*Mahà Kaccàyana*) đã dạy: "*Hành giả tu tập, có con mắt sáng cũng làm như mờ, có lỗ tai tốt cũng làm như điếc, có miệng lưỡi thiện thuyết cũng làm như câm; có sức mạnh, dũng cảm cũng nên làm như kẻ yếu đuối; có sự việc gì xảy ra thì thân tâm đều nằm ngủ yên lặng, như mẹ ru con ngủ vậy.*"

Điểm cuối cùng. Dù ai lấy cây, lấy gậy xua đuổi gà đừng cho ngủ trong cái chuồng của nó, nó vẫn không đi, không bao giờ muốn bỏ cái chuồng cũ. Bám chặt, dính chặt vào chuồng cũ là một tập quán tính khác của gà. Một vị tỳ khưu khi làm bất cứ một công việc gì cũng phải bám chặt, kết dính, chú tâm vào công việc ấy. Khi đang mang y, bát hoặc sửa sang tu viện, tự viện, học Pàli, học chú giải... cũng phải nhất tâm bám chặt vào đấy, dù cho các ý niệm nổi trôi, dù cho những sự quyến rũ bên ngoài muốn xua đuổi rời khỏi công việc, cũng không đi!

Đúng như Đức Phật đã dạy: "*Này các thầy! Bất cứ cái gì là "lộ hành", là chỗ ở, là cảnh giới của thầy tỳ khưu; "lộ hành" ấy, chỗ ở ấy, cảnh giới ấy, tức tứ niệm xứ - dù ai đuổi, ai xua, ai quăng cục đất, cục đá; các thầy cũng cương quyết không bỏ đi, kiên định bám vào chỗ trú xứ của mình.*"

Đức pháp chủ thượng thủ cũng có dạy: "*Con gà hằng biết rõ vật đáng ăn và vật không đáng ăn; dù hoàn cảnh nào cũng không bỏ cái chuồng cũ của mình. Phàm những người con của đức Xuất thế-sư cũng phải làm được như thế. Phải tuân thủ theo lời giáo huấn của Đức Thế Tôn để biết việc này đáng làm, việc kia không đáng làm. Phải khởi tâm, phải chú ý, phải bám chặt chỗ trú xứ cũ của mình, ấy là Tứ niệm xứ vậy.*"

Đức vua Mi-lan-đà tán thán:

- Thật tuyệt vời thay là con gà này cùng với năm đức tính của nó. Tập tính mà biến thành phẩm chất cao quý thì chỉ có ở nơi những bậc thầy thông tuệ mà thôi!

180. Về con sóc

- Con sóc thì chỉ có *một điểm, một điều, một chi* cần phải học hỏi thôi, tâu đại vương!

- Phải cái đuôi của nó không?

- Hay lắm! Đại vương thật tinh mắt. Cái đuôi của sóc thật đặc biệt. Khi thấy kẻ thù, kẻ nghịch, kẻ lạ đến... sóc thường phồng cái đuôi của mình lên để hăm dọa hoặc chống cự lại! Cũng tương tự thế, các vị tỳ khưu khi gặp ngoại trần hung dữ, cường liệt, rất mạnh - cũng phồng cái đuôi Tứ niệm xứ của mình cho to lên để chiến đấu chống chọi lại.

Đúng như lời dạy của đại đức Cullapanthaka. "*Khi nào phiền não là kẻ thù xâm lăng, loại trừ, họa hại các sa môn quả, đến gần, chư tỳ khưu phải dùng Tứ niệm xứ mà đương cự lại.*"

181. Về con cọp cái

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Bây giờ đến lượt con cọp cái nhé, đại vương?

- Cọp cái này cũng chỉ có *một điểm* cần phải nghiên cứu thôi, phải không đại đức?

- Vâng! Con cọp cái thường chỉ mang thai một lần, không mang thai lần thứ hai! Vị tỳ khưu hành sa môn quả cũng tương tự thế, nghĩa là không còn muốn vào một thai bào nào nữa, không còn muốn tái sinh vào cõi luân hồi thống khổ một lần khác nữa; phải chấm dứt tái sanh, cấu sanh. Đúng như Phật ngôn mà Đức Đạo sư đã thuyết: "*Bò chúa Usabha đã vùng dứt dây thừng buộc cổ để trốn thoát, không bao giờ nó qua lại chỗ ấy nữa. Cũng vậy, các người đã cố gắng đoạn lìa dây buộc phiền não rồi thì đừng nên trở lại cõi luân hồi tái sanh thống khổ làm gì!*"

182. Về con cọp đực

-Tâu đại vương! Con cọp đực thì có hai tập tính!

- Vâng, xin đại đức giảng cho nghe!

- Thứ nhất, cọp đực thường tìm chỗ nương trú nơi động thẳm, hang sâu, chỗ núi rừng, suối khe thanh vắng! Cũng vậy, bậc hành giả sống đời khổ hạnh, khước

từ, cũng phải biết tìm chỗ vắng lặng, xa chỗ loài người, như núi rừng, tha ma mộ địa, sơn động, cốc đạo... để tu tập, bổ túc công hạnh cho mình. Đúng như các vị kết tập kinh điển có dạy rằng: "*Loài cạp đực thường ở chỗ kín đáo, kiếm vật thực sinh sống ở chỗ vắng lặng; cũng vậy, chư Phật tử phải biết xa phố chợ ồn ào, xa chỗ thị phi huyên náo, tìm chỗ thanh tịnh để siêng tu thiền định và minh sát tuệ*".

Thứ hai, loài cạp đực có một tính kỳ lạ, là khi chụp mồi, nếu con thú ngã xuống bên trái hay bị sứt tai trái - thì nó bỏ đi, không thềm xoi! Cũng tương tự thế, các vị sa môn yêu mến chánh pháp, mong được đạo quả vô thượng - không bao giờ thọ dụng tứ sự được phát sanh trái lẽ, không chính đáng, phát sanh do tà mạng và tà hạnh! Nếu cái gì có được do trái pháp, trái đạo - các vị sa môn cũng bỏ đi, không thềm thọ dụng! Đúng như đáng đệ nhất trưởng tử của Đức Thế Tôn đã thuyết: "*Tôi biết tôi dùng loại cơm sữa kia là tôi sẽ lành bệnh, nhưng tôi không thể dùng, tại sao? Vì cơm sữa ấy được phát sanh do khẩu cử động có tội, tức thuộc tà mạng! Tôi thà chịu chấp nhận đứt ruột hoặc lòi ruột ra ngoài, chấp nhận hy sinh thân mạng - chứ không thể làm cho hư hỏng chánh mạng để các bậc trí giả chê trách!*"

Đại đức Upasena cũng nói tương tự thế: "*Tôi thà bẻ ruột mà chết, chứ không thể kiếm ăn thấp thỏi, trái lẽ, tà mạng làm cho chánh mạng bị hủy hoại!*"

183. Về con rùa nước

- Thừa đại đức! Về con rùa nước thì có bao nhiêu điều cần phải học hỏi?

- Học hỏi rùa thì có năm điều, tâu đại vương.

Thứ nhất: Thế giới của rùa ở trong nước, là nơi mát mẻ. Bạc hành giả cũng thế, nên ở trong cõi từ bi trú, là cõi mát mẻ an lành; và nên rải tâm từ ấy đến cho tất cả chúng sanh, không được thù hại ai, không gây oan trái, oán độc với ai.

Thứ hai: Rùa ở trong nước, chìm trong nước, thỉnh thoảng ló đầu lên khỏi mặt nước; nếu thấy có gì nguy hiểm thì rùa cảnh giác, lặn xuống ngay. Vị tỳ khưu tu tập cũng hằng như thế, khi thấy phiền não đến thì phải tức khắc lặn vào trong thiền cảnh của mình.

Thứ ba: Khi rùa lên khỏi mặt nước, nếu thấy không có người hoặc thú thì rùa nằm phơi mình trên bãi một cách an toàn. Tương tự thế, vị tỳ khưu tu tập chánh niệm chỗ yên tịnh, thanh vắng; khi cảm thấy an toàn không sợ ngoại trần quấy nhiễu, có thể đem tâm ra khỏi các oai nghi, nghỉ ngơi chút ít nhưng mà cũng phải thường trực tỉnh giác.

Thứ tư: Rùa thường đào lỗ trong bùn, trong đất, hoặc trong các kẹt đá để ở; là vì chỗ ấy không có ai quấy nhiễu, xâm hại. Bậc sa môn hành Tứ niệm xứ cũng y như thế, phải trốn khỏi lợi lộc, tiếng khen của thế gian... vào ẩn trong hang sâu, động vắng thì khỏi sợ nguy hiểm. Đúng như đại đức Upasena đã thuyết: "*Bậc xuất gia phạm hạnh phải biết xa lìa nơi ồn ào, huyên náo... tìm chỗ ẩn cư miền cô quạnh như hoang thú giữa rừng sâu.*"

Điều thứ năm: Phạm khi thấy người, thú hoặc cái gì có vẻ nguy hiểm, rùa thường thu gọn đầu và bốn chân vào trong chiếc vỏ bọc của mình, nằm yên lặng như thế để tự bảo vệ sự an toàn. Hành giả tu tập chỉ tịnh và quán minh cũng nên bắt chước như rùa. Lúc nào thấy lục trần (*sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp*) - có vẻ nguy hại, liền thu rút lục căn (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý*) vào trong đề mục thiền định hoặc thiền quán để bảo vệ cho sa môn hạnh của mình. Đúng như lời Đức Phật dạy: "*Tỳ khưu là bậc tiến tu thoát khổ, nếu có khởi tâm thì đừng nên để cho dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy xâm chiếm; đừng nên để rơi vào cái bẫy tà kiến, khinh bỉ hoặc châm biếm kẻ khác. Không như vậy thì hoàn toàn thu rút lục căn, như con rùa nằm trốn cái đầu và bốn chân trong chiếc mu của nó.*"

Đại vương đã hoàn toàn lãnh hội năm điều ấy về con rùa rồi chứ?

- Vâng ạ!

184. Về cái kèn

Đức vua Mi-lan-đà hỏi:

- *Một chi của cây kèn là thế nào hỡi đại đức?*

- Tâu, cái kèn sờ dĩ được phát ra thành tiếng, thành âm thanh trầm bổng là tùy thuộc vào hơi gió của người thổi. Nói cách khác, cái kèn không thể tách rời hơi gió thổi, hơi gió thổi không thể tách rời cái kèn. Phạm sa môn tu hành giải thoát cũng y như thế, hạnh sa môn phải được *dính chặt*, không được *buông lơ pháp hạnh*. Nói cách khác, vị tỳ khưu là pháp hành, pháp hành là vị tỳ khưu. Cái kèn không thể rời hơi gió, rời hơi gió thì cái kèn không có âm thanh. Sa môn hạnh mà rời pháp hành thì không thể gọi là sa môn. Đúng như đại đức Ràhula đã thuyết: "*Là tỳ khưu trong hàng ngũ sa môn, phải lấy pháp hành làm y chỉ, cả ngày lẫn đêm đừng rời khỏi pháp hành, phải tinh tấn để tăng trưởng và hoàn thiện pháp hành của mình.*"

185. Về cây sủng

- Cái kèn thì trầm hiểu rồi, nhưng còn *một chi của cây sủng* là sao?

- Tâu, cây sủng tùy thuộc nòng sủng, nòng sủng phải thông suốt từ đầu này đến đầu kia, cây sủng mới sử dụng được. Cũng vậy, vị tỳ khưu trong giáo hội của Đức Tôn sư phải biết thích ứng, tôn trọng phẩm vị, thứ tự hạ lạp từ dưới lên trên, từ thấp lên cao y như thế. Nòng sủng thông suốt, không bị vướng mắc, trở ngại, đạn mới được ra khỏi nòng. Thứ tự hạ lạp thông thuận từ dưới lên trên, không có lộn xộn, vướng mắc, mới đem đến hữu ích cho chính mình và đại dụng cho cuộc đời. Đúng như Đức Thế Tôn đã thuyết trong kinh Vidhurapunnaka Jataka: *"Các sa môn Thích tử thuộc giống giòng trí thức, phạm hạnh... thật không nên có hành động sai trái, tà vạy; phải biết tôn trọng, cung kính thứ tự hạ lạp, phải biết thông thuận, ngay thẳng như nòng sủng của cây sủng vậy."*

186. Về con quạ

- Tâu đại vương! Về con quạ thì chúng ta có *hai điều* cần phải lấy đó để làm gương!

- Vâng, xin đại đức cho nghe.

- Con quạ có hai tập tính sau đây:

Thứ nhất là khi đậu một chỗ nào, con quạ thường đưa mắt lăm lét, đảo qua đảo lại đầy vẻ nghi ngờ, sợ sệt tất cả mọi thứ xung quanh. Nó luôn luôn đề phòng, giữ mình trước bất kỳ hoàn cảnh nào. Một vị tỳ khưu cũng cần phải làm như thế, phải luôn luôn phòng hộ giữ mình, hằng có chánh niệm, thu thúc lục căn trong mọi oai nghi, trước các đối tượng ngoại trần luôn đầy những bất trắc có thể tác hại đến phẩm hạnh sa môn.

Thứ hai, khi quạ được một món ăn gì, dù là tử thi, dù là vật thực dư thừa, dù là bấp đậu... quạ thường kêu gọi đồng loại đến để cùng ăn. Một vị tỳ khưu sống trong giáo hội bình đẳng, đầy tình nghĩa đệ huynh của Đức Tôn Sư cũng phải nên bắt chước như quạ. Khi được thọ dụng tứ sự, lợi lộc, nhất là vật thực, dù là một bình bát hay nửa bình bát - cũng nên chia sót vật thực ấy đến các vị đồng phạm hạnh thiếu thốn hơn mình. Đúng như đức pháp chủ Xá-lợi-phất đã từng thuyết: *"Nếu có nam nữ thí chủ nào có lòng tin mà dâng cúng vật thực đến Xá-lợi-phất tôi; vì tôi là người sống hạnh khước từ, xả ly để tiêu hủy phiền não - nên tôi sẽ chia sót phần vật thực ấy đến cho tất cả bằng hữu phạm hạnh đều nhau cả. Và tôi sẽ là người thọ dụng sau cùng."*

187. Về con khỉ

- Bây giờ chúng ta học về con khỉ, tâu đại vương!

- Con khỉ thì tốt đẹp gì mà học! Suốt ngày cứ chạy nhảy leo trèo từ cây này sang cây khác, từ cành này sang cành khác - giống như tâm ý lăng xăng của chúng sanh vậy, có hay hướm gì!

Đại đức Na-tiên gật đầu:

- Vâng, điều ấy thì chúng ta không học. Ta sẽ học ở *hai điểm* khác.

Một, là nó hằng lựa tìm những cội cây rất to, có rất nhiều cành nhánh vững chắc và xanh tốt, sum suê để làm chỗ ở. Các vị tỳ khưu cũng hằng nên như thế, phải lựa tìm những bậc phạm hạnh có đạo cao đức cả - như là gốc đại thụ vậy - để nhờ nương, làm chỗ ở cho mình. Bậc phạm hạnh có cành nhánh vững chắc và tàng lá sum suê xanh tốt, ấy là đầy đủ: giới đức, có tâm quý, nhiều pháp lành, đã vãng, là người giữ gìn pháp, nâng đỡ pháp; có ngôn ngữ từ ái, tự mình tinh tấn và dìu dắt mọi người tinh tấn đi theo con đường phạm hạnh.

Hai, khỉ thường tìm về chỗ ngụ của mình vào lúc hoàng hôn rồi nghỉ qua đêm ở đấy. Các vị tỳ khưu trong hàng ngũ sa môn cũng phải nên làm như thế. Nghĩa là một ngày, lúc hoàng hôn xuống cũng phải biết trở về trú xứ vắng lặng của mình như rừng, nghĩa địa v.v... để nghỉ qua đêm. Khỉ không bao giờ rời bỏ cây ấy lúc ban đêm - thì vị tỳ khưu cũng không bao giờ rời bỏ pháp tu Tứ niệm xứ của mình. Suốt đêm, dù đi, đứng, ngồi, nằm cũng hằng phải chánh niệm, tỉnh giác. Đúng như đại trưởng tử của Đức Thế Tôn đã thuyết: "*Vị tỳ khưu nên hoan hỷ, mến thích khu rừng và cội cây của mình. Lúc tọa thiền, lúc đi kinh hành hoặc ngủ nghỉ đều không được rời bỏ pháp hành.*"

Đức vua Mi-lan-đà tán thán:

- Những ví dụ ấy rất hay, rất dễ nhớ, thế đại đức có còn những ví dụ như thế nữa chăng?

- Tâu, những ví dụ ấy chẳng phải của bản tăng, mà do Đức Thế Tôn hoặc các vị Thánh A-la-hán nói ra, bâng bặc trong kinh điển. Còn bản tăng chỉ là người nói lại.

- Vậy thì cho trẫm được nghe tiếp.

- Vâng, ngoài những ví dụ trên, phạm hạnh của sa môn còn phải được ví như:

Giây bầu leo;
Hoa sen;
Hạt giống;
Cây sàla xanh tốt;
Thuyền bè;
Ghe mắc đá ngầm;
Cột buồm;
Người cầm lái thuyền;
Người làm công;
Biển lớn.

188. Về dây bầu leo

- Xin đại đức giải về *dây bầu leo*?

- Vâng, giây bầu leo có một điểm rất đặc biệt, là ban đầu nó bò trên đất, trên cỏ, cái vòi của nó lần tìm những cành nè, những cành cây khô để leo lên. Sau khi bò lên cao hoặc trên chót đọt của cây; thì cành, nhánh lá của nó mới tỏa ra, xanh tốt rồi đơm hoa kết trái. Phàm người tu phạm hạnh cũng như thế, ban đầu, tu tập những pháp nhỏ, pháp thấp... rồi lần hồi, biết vươn lên cao, đến chót đỉnh để tỏa cành nhánh xanh tốt, đơm hoa rồi kết A-la-hán quả. Đúng như tôn giả Xá-lợi-phất có dạy: "*Dây bầu leo thường dùng cái vòi bắt dính những cành nhánh khô rồi bò lên cao, xanh tươi tốt đẹp; vị tỳ khưu mong được quả A-la-hán cũng phải biết vin vào những pháp tu tập ban đầu, nắm bắt từng thành quả từ thấp lên cao để tiến triển đến quả vị của bậc Vô học.*"

189. Về hoa sen

- Về *hoa sen* thì - đại đức Na-tiên nói - có ba đức tính: từ trong bùn sinh trưởng, lớn lên mà không hôi mùi bùn; lên khỏi nước mới nở hoa, và khi gió thổi thì lay động nhẹ!

Đức vua Mi-lan-đà hỏi:

- Vậy gì là *bùn*, thưa đại đức?

- Bùn hàm chỉ tất cả những gì thuộc về thế gian. Ví dụ như gia đình, chủng tộc, dòng họ, giai cấp, danh vọng, lợi lộc, tứ sự cúng dường hoặc tất cả những gì, tất cả những pháp dễ phát sanh đấm lụy, cấu uế như sắc đẹp, âm thanh quyến rũ, hương thơm, vị ngon, xúc chạm êm ái v.v...

- Có nghĩa là từ thế giới ấy lớn lên, từ thế gian trần lụy ấy mà sống đạo, nhưng không nên để cho cấu uế vẫn đục, lấm nhơ phạm hạnh...

- Vâng, đúng như thế! Đôi khi có những vị tỳ khưu xuất thân trong giai cấp, dòng họ... nào đó, sau khi xuất gia phạm hạnh rồi cũng không bước ra khỏi được giai cấp và dòng họ của mình, vẫn mang bản ngã giai cấp, dòng họ ấy. Và bị quyền niệm, hệ lụy bởi giai cấp, dòng họ của mình, tâu đại vương!

- Vâng, trầm hiểu rồi, còn đức tính thứ hai?

- Sau khi nở hoa trên mặt nước, không bao giờ hoa sen rơi trở vào nước, chìm lại trong nước. Cũng y như thế, vị tỳ khưu đã sống đời phạm hạnh không nên rơi trở vào cuộc đời, bị những ưu sầu, sợ hãi từ cuộc đời làm chìm đắm, chi phối nữa.

- Vâng, trầm hiểu rồi.

- Điều thứ ba, khi có gió thổi, những hoa sen lay động nhẹ. Có nghĩa là bậc hành giả, khi bị các phiền não thế gian, tám ngọn gió thế gian lay động phải biết ngay, tỉnh thức ngay. Nói cách khác, phải biết sợ hãi chút ít đối với các pháp trần làm cho lay động tâm, đúng như Đức Chánh đẳng giác đã thuyết: "*Các thầy tỳ khưu nên thọ trì điều học, dù có giới phạm, tội lỗi chút ít cũng phải biết sợ hãi nhiều.*"

Đấy là tất cả ba đức tính của hoa sen, tâu đại vương!

190. Về hạt giống

- Về *hạt giống* thì có hai điều cần phải học hỏi, tâu đại vương!

- Trầm đang nghe đây.

- Vâng. Thứ nhất, hạt giống thường nhỏ, ít mà thân hái kết quả bao giờ cũng lớn, nhiều. Tương tự vậy, một vị tỳ khưu khi thọ trì những điều học, đừng coi thường những nhân phạm tội, dù rất nhỏ, ít; vì kết quả của nó sẽ rất lớn, có thể tác hại phạm hạnh trọn đời của vị sa môn. Và cũng chính nhờ ngăn giữ những điều học nhỏ và ít ấy - mà kết quả sẽ thành tựu viên mãn sa môn hạnh rất cao thượng, rất cao quý sau này.

Thứ hai, hạt giống ấy nếu được gieo xuống một thửa ruộng được chuẩn bị tốt về nhiều mặt, như: cày bừa kỹ, nước và phân đầy đủ; thì hạt giống ấy sẽ sinh trưởng rất mau lẹ, xanh tốt, đơm hoa kết quả viên mãn. Tương tự thế, *thửa ruộng* chính là *tâm* của vị tỳ khưu, phải được chuẩn bị tốt về nhiều mặt: có đức

tin trong sạch, vắng lặng, ở nơi chỗ yên tĩnh thì hạt giống Tứ niệm xứ sẽ dễ dàng phát triển xanh tốt, đơm hoa kết quả Thánh đạo. Đúng như đại đức Anuruddha (A-nậu-đà-la) đã thuyết: "*Gieo hạt giống xuống đám ruộng tốt, phân nước đầy đủ, kết quả thu hái sẽ làm vừa ý người chủ ruộng. Cũng như vậy, gieo hạt giống Tứ niệm xứ vào tâm của một hành giả có trạng thái tâm tốt: trong sạch, thanh tịnh, ở nơi vắng lặng - thì đạo quả Thánh nhân sẽ phát triển rất mau lẹ, sẽ đơm hoa kết quả như ý nguyện!*"

191. Cây Sàla xanh tốt

- Một chi của cây sàla xanh tốt là thế nào hỡi đại đức?

- Tâu, vì ngài Ràhula có thuyết với đại ý rằng: "*Sở dĩ có cây Sàla phát triển sung mãn, xanh tốt, thân cây chọc thủng lên trời cao một trăm hất tay, xòe tán rộng vững chãi, cành nhánh to mạnh, lá xanh tốt tươi - là vì rễ nó đâm sâu trong lòng đất, rễ vươn dài trong đất đến một trăm hất tay! Bạc hành giả tu tập cũng vậy, muốn đạt được thành quả cao siêu thì cũng phải đâm sâu vào lòng đất, vươn dài trong lòng đất. Đất ấy chính là ở nơi chỗ thanh vắng, có đức tin, nội tâm trong sạch và an tĩnh vậy.*"

- Thưa, trẫm đã hiểu.

192. Về chiếc thuyền

Đại đức Na-tiên nói:

- Về chiếc thuyền thì có ba điều, tâu đại vương.

- Vâng, cho trẫm nghe.

- Điều thứ nhất, một chiếc thuyền được gọi là tốt, có thể vượt được biển khơi - thì chiếc thuyền ấy phải được đóng bằng loại gỗ tốt, chắc bền, sắt thép tốt, nhựa tốt... nói chung là mọi vật liệu phụ tùng đều phải hoàn bị. Có được chiếc thuyền như thế mới đưa được người, vật đến nơi an toàn. Một vị tỳ khưu cũng y như thế, chuẩn bị tốt cho mình về hạnh kiểm, giới đức, pháp học, pháp hành, trí tuệ... mới có khả năng tự cứu độ mình, đưa chúng sanh, người, trời vượt thoát khỏi đại dương sinh tử.

- Điều thứ hai, chiếc thuyền ra khơi dĩ nhiên là phải sẵn sàng chịu đựng mọi phong ba bão táp, phải đương đầu các bãi đá ngầm, dòng nước xoáy v.v... Tương tự thế, vị tỳ khưu cũng phải sẵn sàng chịu đựng mọi sóng gió phiền não,

những cạm bẫy, những hệ lụy phát sanh từ lợi lộc, danh vọng, lời khen, sự cung kính, lễ bái, tứ sự cúng dường v.v...

Điều thứ ba, ra khơi, chắc hẳn thuyền phải đi qua những vực nước sâu đầy những cá sấu, thường luồng, cá mập hung dữ như thế nào cũng không nên sợ hãi, không thể sợ hãi. Cũng vậy, vị tỳ khưu *nắm chắc* Tứ diệu đế, *thấy rõ* Tứ diệu đế - đồng thời phải thấy rõ, biết rõ *ba luân, mười hai chuyển* [*], đồng thời phải huân tập ba la mật khả dĩ vượt qua tất cả các hành (*sankhàra*) mà không sợ hãi, không thể sợ hãi.

Đấy là tất cả ba chi về chiếc thuyền, tâu đại vương!

- Cảm ơn đại đức.

[*] Có thể gọi là **ba sắc thái** và **mười hai phương thức**:

Tuệ tri: Khổ: Đấy là khổ, phải được thấy, đã thấy.

Tuệ diệt: Tập: Đây là nguyên nhân khổ, phải được tận diệt, đã tận diệt.

Tuệ chứng: Diệt: Đây là diệt khổ, phải được chứng ngộ, đã chứng ngộ.

Tuệ hành: Đạo: Đây là Đạo diệt khổ, phải được thực hành, đã thực hành tốt.

193. Về ghe thuyền dính đá ngầm

- Xin đại đức cho nghe về trường hợp *ghé thuyền dính đá ngầm*?

- Thế nếu thuyền dính đá ngầm thì tình trạng nó ra sao hở đại vương?

- Thưa, ghé, thuyền mà dính đá ngầm rồi thì không tới, không lui được.

- Tâu, vâng. Khi tâm của một hành giả đã diệt thảy tất cả mọi *tà tư duy*, đã làm cho yên lặng luyến ái, sân hận, đã phá vỡ si mê rồi - thì tâm ấy sẽ trạm nhiên, bất động, thanh tịnh; sẽ ở yên một chỗ, chẳng còn xao động, chẳng còn lằng xằng đi chỗ này, chỗ nọ, chỗ kia, chỗ khác nữa!

- Vâng, vâng! còn điếm nào nữa không hở đại đức?

- Tâu, còn điếm hai nữa. Là khi thuyền dính đá ngầm rồi, hẳn là thuyền phải chìm xuống. Cũng thế, một hành giả khi tâm đã trạm nhiên, thanh tịnh, bất động rồi, sẽ từ từ chìm lắng vào trong pháp. Khi tâm đã chìm lắng trong pháp, vững chắc trong pháp, thì không gì có thể lay động được nữa. Đúng như ngài Xá-lợi-phất đã thuyết: "*Thuyền khi chìm trong biển thì không có gì lay động được. Một*

vị tỳ khuru tâm đã chìm vào trong pháp rồi, những lợi lộc, danh vọng, khen tặng... chẳng thể làm cho giao động được."

194. Về cột buồm

- Còn về cây trụ buồm, thưa đại đức? Nó liên hệ gì với sa môn hạnh?

- Tâu, cây trụ buồm sở dĩ nâng được lá buồm to nặng, là do bản thân nó kiên cố, vững chắc; đồng thời có sự liên kết đồng bộ bởi dây neo chắc bền, các trụ phụ, dây ròng rọc để kéo v.v... Tương tự thế, một vị tỳ khuru sở dĩ nâng đỡ được pháp hành cao thượng, thành tựu sa môn hạnh thiêng liêng, là do *tâm* và *tuệ* của vị tỳ khuru ấy vững chắc, đồng thời nhờ sự hỗ trợ thường trực của *chánh niệm* và *tỉnh giác*. Chánh niệm, tỉnh giác khi đi tới, đi lui, lúc ngồi nằm, đắp y vai trái, tăng già lê, lúc ôm bát khát thực, lúc uống nước, ăn cơm, lúc đại tiện, tiểu tiện, khi đang nói, lúc im lặng v.v... Đúng như Đức Thiện Thệ đã thuyết: "*Này các thầy tỳ khuru! Các thầy phải thường trực chánh niệm, tỉnh giác; hãy bỏ túc sa môn hạnh bằng chánh niệm, tỉnh giác. Chánh niệm, tỉnh giác chính là giáo huấn tinh tủy của giáo pháp Như Lai.*"

195. Về người cầm lái thuyền

- Thưa đại đức! về *người cầm lái thuyền* thì có ba chi, mong đại đức cho nghe luôn thể.

- Vâng, thứ nhất, người cầm lái thuyền phải cẩn trọng, cẩn thận, tỉnh thức, chú ý đúng, hướng tâm đúng để dẫn con thuyền đến nơi an toàn. Tương tự thế, vị tỳ khuru phải cẩn trọng, thận trọng, tỉnh thức, hướng tâm đúng, chú ý đúng để dẫn mình đến nơi hạnh phúc tối thượng là Niết-bàn.

Đức Thế Tôn có dạy rằng: "*Các thầy chớ nên dễ dãi, giải đãi mà hãy tinh cần, nỗ lực, tỉnh thức, kiên trì để giải thoát tâm ra khỏi mọi phiền não; như con tượng vương dù bốn chân bị dính chặt trong bùn, vẫn cố nỗ lực, kiên trì để thoát ra.*"

Điều thứ hai, người cầm lái thường biết rành rẽ nơi nào có đá ngầm, nơi nào có nước xoáy, nơi nào có dòng nghịch lưu...; để biết cách tránh né, chuyển phương, chuyển hướng v.v.. Vị tỳ khuru nào có khác gì? Phải biết rành rẽ chỗ này nguy hiểm, nơi kia không nguy hiểm, điều này tốt, điều kia xấu, cái này tội, cái kia không phải tội, người này nên thân cận, kẻ kia không nên gần gũi, pháp này cao thượng, pháp kia là hạ liệt v.v... để tránh né đúng, viễn ly đúng, hướng tâm đúng, v.v...

Điều thứ ba, người cầm lái hàng điều chỉnh kim vận tốc, kim phương hướng; tự tay mình điều chỉnh các loại kim đồng hồ chứ không dám tùy tiện giao phó cho ai. Các vị sa môn cũng y như thế, phải tự động điều chỉnh tâm mình, ý mình, phải tự thu thúc, điều chỉnh lục căn, cẩn thận cả từng suy tư, niệm tưởng để khỏi rơi vào tà tư duy, ác tưởng, tạp tưởng - chứ không thể nhờ cậy ai, phó thác cho ai. Đức Phật cũng có dạy trong kinh Samyutta rằng: "*Này các thầy tỳ khưu! Các thầy đừng tư duy đến các điều ác, bất thiện pháp, vì ác, bất thiện là có tội báo. Những ác tư duy, những bất thiện tư duy ấy là gì? Đó là dục tư duy, sân tư duy và hại tư duy!*"

Đấy là ba chi về người cầm lái thuyền, tâu đại vương.

- Rất rõ, cảm ơn đại đức!

196. Về người làm công

- Về người làm công thì phải biết chăm lo công việc của mình. Người làm công muốn nhận được tiền công xứng đáng, muốn nhận được sự khen thưởng thì phải siêng năng, cần mẫn, chăm lo từng công việc, từ nhỏ đến lớn, từ dễ đến khó, từ ngoài vào trong v.v... Một vị tỳ khưu muốn được quả vị xứng đáng, muốn được phần thưởng tôn vinh cao quý là Niết-bàn, phải biết chăm lo bổn phận của sa môn. Các công việc thường xuyên như quán thân là bất tịnh, quán thân chỉ là đất, nước, lửa, gió; hoặc thực hành chỉ tịnh, quán minh v.v... mỗi mỗi, vị tỳ khưu phải làm cho tốt, làm cho thiện xảo... để thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, thoát khỏi sầu, bi, ưu, não v.v... Đúng như tôn giả Xá-lợi-phát đã thuyết: "*Các thầy phải thường xuyên quán tưởng thân để thấy rõ sự thật về thân. Khi thấy rõ sự thật về thân rồi thì các thầy sẽ diệt tận mọi nỗi khổ đau trên trần thế.*"

- Trẫm đã hiểu, thưa đại đức!

197. Về biển cả

- Tâu đại vương! Biển cả có năm đặc tính, năm điều cần phải ghi nhớ, chắc đại vương đã hiểu rõ, không cần phải giải bày, phải chăng?

- À, có thể trẫm đã hiểu rồi. Năm điều của biển cả là:

*Đấy những xác chết bất tịnh lên bờ;
Biển chứa trong lòng nó những loại ngọc quý báu;
Nơi cư trú của nhiều loại động vật, thực vật;*

*Luôn luôn đầy nước;
Không bao giờ tràn bờ.*

Có phải thế không, đại đức?

- Phải rồi, nhưng đại vương liên hệ, tương quan năm điều ấy với phẩm hạnh sa môn như thế nào?

- Thưa, vâng. Năm điều trên tương quan với năm điểm của sa môn như sau:

Thứ nhất, tâm của một tỳ khưu luôn đầy những tham lam, sân hận, si mê, ngã chấp, bạc nghĩa, quên ơn, bòn xén, ganh tỵ, điệu bộ, khoe khoang, kiêu ngạo, nói dối, trược hạnh... ra bên ngoài. Tâm ấy luôn luôn bảo vệ sự thanh khiết cho mình.

Thứ hai, tâm của vị sa môn hằng cất giữ những pháp quý báu như *thiền định, quán minh, thần thông, đạo quả* v.v..

Thứ ba, tâm của vị sa môn là nơi cư trú của những thiện pháp như: *tri túc, thiếu dục, tâm quý, nhẫn nại, tinh tấn, đức tin, từ, bi, hỷ, xả* v.v...

Thứ tư, tâm của vị sa môn luôn đầy đủ học giới, dù bị đe dọa sanh mạng cũng không để cho học giới của mình bị khiếm khuyết.

Thứ năm, tâm của vị sa môn không bao giờ tự mãn rằng *kiến thức, hiểu biết của mình đã đầy, đã đủ*, nên vẫn chăm chuyên nghe chú giải, học Pàli, kinh, bổn sanh, vi diệu tạng v.v...

Năm điều ấy của sa môn khả dĩ so sánh với năm tính chất của biển, phải vậy không, đại đức?

- Tâu, vâng, chính xác lắm.

Đức vua Mi lan đà lại hỏi tiếp:

- Đại đức còn nhiều ví dụ về sa môn hạnh lắm phải không?

- Vâng, còn, rất nhiều.

- Đại đức có thể liệt kê tiêu đề cho nghe được chăng?

- Được. Vậy đại vương hãy nghe. Sa môn hạnh còn có thể được ví với những điều sau đây:

Năm điều của quả đất;
Năm điều của nước;
Năm điều của lửa;
Bốn điều của gió;
Năm điều của núi;
Năm điều của hư không;
Năm điều của mặt trăng;
Sáu điều của mặt trời;
Ba điều của trời Đế Thích;
Bốn điều của vua Chuyển luân;
Một điều của con mối;
Hai điều của mèo;
Một điều của chuột;
Một điều của bò cạp;
Một điều của chồn;
Hai điều của chó rừng;
Ba điều của bò;
Hai điều của heo;
Năm điều của voi;
Bảy điều của sư tử;
Ba điều của vịt nước;
Hai điều của chim Venàhikà;
Một điều của chim sè;
Hai điều của chim cu;
Một điều của con rít;
Hai điều của con dơi;
Một điều của con đĩa;
Ba điều của con rắn;
Một điều của con trăn;
Một điều của nhện giăng lưới;
Một điều của trẻ ngậm vú mẹ;
Một điều của rùa vàng;
Năm điều của rừng già;
Ba điều của cây đại thọ;
Năm điều của mưa;
Ba điều của ngọc ma ni;
Bốn điều của người săn thú;

*Hai điều của người câu cá;
Hai điều của người thợ bào;
Một điều của người thợ gổm;
Hai điều của con quạ;
Ba điều của cái dù;
Ba điều của ruộng;
Hai điều của thuốc trị rắn độc ;
Ba điều của vật thực;
Bốn điều của người bắn cung v.v...*

Nghe đến ngang đây, đức vua Mi lan đã nói:

- Vậy là quá nhiều rồi, thừa đại đức. Có thể trong số ví dụ ấy, trẫm đã được nghe vài lần rồi; nhưng mà vì lợi ích cho phần đông, đại đức bi mẫn nói lại, lặp lại cũng không sao. Trẫm sẵn lòng rửa tay để lắng nghe.

- Tâu, vâng!

198. Về quả đất

- Về quả đất thì có năm điều, tâu đại vương!

Nó tương tự với năm đức tính của sa môn hạnh như sau:

Thứ nhất, dù ai quăng bỏ lên đất những vật bất tịnh như đăm, dãi, nước mũi, đại tiểu tiện... quả đất cũng không hề khởi tâm thương hoặc ghét, vừa lòng hoặc không vừa lòng.

Một vị sa môn nên học *hạnh quả đất*. Dù ai khen, chê, dù được lợi lộc hay mất lợi lộc, dù được danh hay mất danh, dù bị ai nguyện rửa, phỉ báng, không vì vậy mà vị sa môn dậy tâm bất bình, thương ghét v.v...

Thứ hai, quả đất không hề trang sức, trang điểm cho mình; nhưng quả đất có đầy đủ ngọc ngà châu báu, đầy đủ tất cả vật thoa, vật thơm.

Một vị sa môn không nghĩ rằng mình có một cái ngã để trang điểm, một cái ngã để trang sức; nhưng quả thật vị sa môn luôn trang sức, trang điểm cho mình những hương liệu quý báu được toát ra từ giới đức, phẩm hạnh của mình.

Thứ ba, quả đất hằng nâng đỡ, che chở cho quốc độ, xóm làng, châu quận, người vật, núi sông, cây cỏ, vạn loài...

Cũng vậy, vị sa môn phạm hạnh là người hằng siêng năng làm nơi nâng đỡ, che chở cho chúng sanh, giáo huấn chúng sanh, nhắc nhở chúng sanh tinh tấn tu tập thiện pháp.

Thứ tư, quả đất đầy đặc cả một khối, không chấp vá, không vỡ vạc, không rời từng mảnh. Tương tự như vậy, học giới của vị sa môn phải được *đúc thành một khối thuần nhất*, không thể bị khuyết phạm, bẻ lung, chấp vá hoặc đứt rời ra từng điều được.

Thứ năm, quả đất luôn luôn bình đẳng, không thiên vị, không hiềm hại ai mà cũng chẳng luyến ái chúng sanh nào. Cũng vậy, tâm vị sa môn cũng phải bình đẳng, không thiên vị; chẳng thương bên này ghét bên kia, thích chỗ này, bất bình chỗ kia v.v...

Cận sự nữ Culasubbhadda có nói: *"Trước đây, tôi có vọng động giết hại chúng sanh bằng đui gậy hay bằng giáo mác; tôi đeo tràng hoa, tôi thoa vật thơm và cảm thấy thỏa thích. Bây giờ học Phật, tâm tôi không còn bất bình, sân hận, không còn ngã chấp, luyến ái. Tâm của tôi giống như quả đất vậy, đúng là tâm của một bậc sa môn!"*

199. Về nước

Đại đức na-tiên nói:

- Nước có năm điều cần phải được học hỏi, đại vương còn nhớ chứ?
- Vâng, còn nhớ, nhưng xin đại đức cứ giảng cho.
- Cũng được, tâu đại vương.

Thứ nhất, bản chất của nước vốn trong trẻo do nhiễm bẩn mà trở nên đục vẩn. Vị sa môn sống giữa thế gian cũng cần phải giữ tâm trong trẻo, đừng vì lời nói hay đẹp mà vừa lòng, đừng vì lời nói xấu ác mà méch lòng.

Thứ hai, tính nước thường mát mẽ, dịu hòa; bậc sa môn phải biết giữ tâm nhu hòa, từ ái, mát mẽ đối với tất cả chúng sanh.

Thứ ba, nước có công năng tẩy sạch, giặt rửa những dơ bẩn; vị sa môn cũng hằng tẩy rửa những bất tịnh, xấu xa trong lòng mình y như thế.

Thứ tư, nước là nhu cầu thiết yếu duy trì sanh mạng của tất cả chúng sanh; vì sa môn cũng phải là nơi cho chư thiên và loài người nương nhờ để duy trì phước mạng và tuệ mạng của họ.

Thứ năm, nước hằng đem đến lợi ích, an vui cho người, vật, chim muông, cây cỏ - từ việc ăn uống, giặt rửa, trồng hoa quả, rau trái v.v... cho đến sông ngòi, suối khe, khí hậu v.v... Vị sa môn cũng phải biết dùng lời từ ái, tâm bi, tâm hỷ, thuyết pháp, sống đời tri túc, nhẹ nhàng, an tịnh... để ban rải sự sống trong lành, cao đẹp cho tất cả chúng sanh. Đúng như đức Bồ tát có lần nói với trời Đế Thích: *"Ngài là vị trời có nhiều quyền năng và quyền lực, nếu ngài muốn thành tựu cho tôi một ước nguyện, thì tôi sẽ không mong ước nguyện ấy thành tựu cho mình, tốt đẹp cho mình. Tôi sẽ ước nguyện rằng, cầu cho tất cả chúng sanh biết thương yêu nhau, đừng ai quý phá, bức hại ai; đừng có chúng sanh này làm cho đau đớn chúng sanh khác, dù là tí chút."*

Đây là tất cả 5 điều về nước, tâu đại vương!

200. Về lửa

-Về lửa cũng có năm điều, tâu đại vương.

Thứ nhất, lửa có tính năng là đốt cháy, thiêu hủy mọi vật không phân biệt sạch, dơ, khô hoặc tươi. Vị sa môn cũng cần phải dùng tuệ diệt, tuệ thiêu hủy để đốt cháy tất cả phiền não bên trong và bên ngoài; cả chuyện vừa lòng lẫn cảnh nghịch ý.

Thứ hai, lửa không có lòng dạ thương xót cỏ rác, gỗ mục hay hoa đẹp, cây xanh. Nó đốt hết. Cũng vậy, vị sa môn cũng không nên có lòng dạ thương tưởng đến các loại phiền não, dù phiền não ấy thô thiển hay tế vi, có sắc xấu hay sắc đẹp. Phải đốt hết, không một loại trừ nào cả.

Thứ ba, lửa có tính năng đối đãi với lạnh, đối trị với lạnh, ngăn sự lạnh. Cũng vậy, vị sa môn cũng phải khởi lên *sức lửa của tinh tấn* để ngăn ngừa, đối trị với phiền não.

Thứ tư, lửa tỏa nhiệt, tỏa hơi nóng. Người ta có thể dùng lửa để nấu ăn, để đốt vật dơ ứ, để sưởi ấm, đem đến lợi ích cho nhiều người. Cũng vậy, vị sa môn cũng phải biết lấy lửa nhiệt tình, lửa ấm áp... ấy để đem đến lợi ích cho chư thiên và loài người.

Thứ năm, lửa hằng chiếu sáng, soi rọi được những chỗ tối tăm. Cũng vậy, vị tỳ khưu phải biết dùng trí tuệ, tuệ minh để chiếu rọi mọi ngõ ngách thâm u của vô minh, ái dục và tà kiến. Tương tự như lời Đức Phật dạy cho Ràhula như sau: *"Này Ràhula! Con hãy thường xuyên tham thiền về lửa, quán tưởng về lửa, đến một lúc, tâm con sẽ giống như lửa; khi ấy, các bất thiện pháp sẽ không còn đè nén, bức hại tâm con được."*

201. Về gió

- Về gió cũng có bốn điều cần phải học hỏi, đại đức hãy giảng tiếp cho nghe?

- Tâu, vâng.

Thứ nhất, gió mạnh làm cho cây gãy, lá rụng, đôi khi bật luôn cả gốc rễ; vị sa môn cũng phải tu tập, tạo sức gió mạnh - *do định lực và tuệ lực* - để cành nhánh, lá, gốc rễ của những pháp hành (*Sankhàra*), của phiền não bị rơi rụng, bậc gốc đi cũng y như thế!

Thứ hai, gió thường ngao du, đi khắp giữa hư không, cũng vậy, vị sa môn cũng phải để tâm tiến tu, phải đi khắp vào các cõi xuất thế gian.

Thứ ba, gió thổi mang mùi hương hoa rừng thơm ngát đi nơi này nơi kia; vị ẩn sĩ sa môn cũng phải mang hương hoa trong lành của giới, của giải thoát tỏa đi khắp các cõi người và trời y như thế.

Thứ tư, gió không có trụ xứ, không lưu luyến chỗ ở, thanh thoát đi nơi này đến nơi kia, không ai tìm ra dấu vết. Cũng vậy, vị tỳ khưu không nên có chỗ ở, không lưu luyến trụ xứ, không quyến niệm ai, không ràng buộc bởi ai, thanh thản đi nơi này đến nơi kia không hề dính mắc. Đúng như lời Đức Tôn sư đã thuyết: *"Không có chỗ ở thì sẽ không có chuyện lưu luyến chỗ ở. Khi không có lưu luyến chỗ ở thì trần cấu, phiền não sẽ không có. Đây là cảnh giới của bậc Mâu ni."*

202. Về núi

- Về núi cũng có năm điều, tâu đại vương!

Thứ nhất, núi thường ở một chỗ, không chuyển động, không lay động, không dời đổi dù gió to hay bão dữ. Vị sa môn cũng phải biết học núi. Phải biết trụ tâm vững chắc, kiên định, không lay chuyển, không chấn động, không dời đổi giữa cõi thiện ác, phải trái, khổ vui, được danh, mất danh, được lợi, mất lợi; giữa tham và sân, giữa đúng và sai v.v... Đúng như Đức Đại Bi đã thuyết: *"Núi đầy"*

đặc không trống bộng ở giữa, không hề di động hay chuyển động. Bạc trí tuệ cũng nên như thế, phải đầy đặc giới định tuệ, không trống rỗng ở giữa; khả dĩ an nhiên, tự tại... trước lời khen, tiếng chê của cuộc đời."

Thứ hai, núi là một khối thuần nhất, độc lập; không thể dời núi đi đâu, không thể dồn núi vào chung một quần cư, không thể chất đống núi lại. Tương tự thế, vị sa môn không thể thay đổi, di dời chí nguyện và phẩm hạnh, không thể quần cư hỗn tạp chung với bất cứ ai, dù là giới xuất gia hay là cư sĩ, người đời!

Thứ ba, trên đỉnh núi không cây gì mọc được, cũng vậy, vị sa môn phải giữ tâm mình như đỉnh núi, không thể cho bất kỳ hạt giống phiền não nào nảy mầm, tăng trưởng được.

Thứ tư, đỉnh núi là chỗ cao nhất của ngọn núi, bởi vậy, hành giả cũng phải nên tu tập, tiến hóa đến đỉnh cao của trí tuệ. Đúng như Đức Đạo Sư đã thuyết: "*Bạc trí thức ở đời phải biết khắc phục sự dễ duôi, giải đãi, buông thả, khi ấy mới có thể lên được trí tuệ đỉnh cao. Ở đấy, sẽ không còn si mê, ưu sầu; nhìn xuống thế gian thì chúng sanh đang si mê, ưu sầu ... khổ đau không thể tả.*"

Thứ năm, một ngọn núi cao thì không bao giờ tự làm mình trở thành bình địa, cũng vậy, vị sa môn sống hạnh khước từ, xuất ly thế gian, không bao giờ để cho tâm mình đồng hóa với thế gian, biến thành như thế gian. Tương tự thế, nàng cận sự nữ Subbaddà có nói rằng: "*Phàm tình chúng sanh ở trong đời, nếu được lợi thì kiêu mạn, cuồng vọng; nếu mất lợi thì ưu sầu, thở than. Là sa môn, chúng ta không như thế, không bao giờ vì lợi lộc, khen tặng mà để tâm trôi nổi theo thế gian thường tình."*

Tất cả đấy là năm chi về núi, tâu đại vương!

203. Về hư không

Đại đức Na-tiên nói:

- Về hư không thì chắc đại vương còn nhớ chứ?

- Vâng, còn nhớ. Nó có năm điều là:

Thứ nhất, không ai nắm bắt được.

Thứ hai, là nơi dạo chơi của chư thiên hoặc người có thần thông.

Thứ ba, không có chỗ ở.

Thứ tư, không cùng tột.

Thứ năm, trống rỗng, không ngăn lại.

Đại đức na-tiên đáp:

- Đúng vậy. Một vị tỳ khưu với sa môn hạnh của mình cũng không để tâm cho phiền não nắm bắt; phải dạo chơi ở chốn không bị ràng buộc bởi vô thường, khổ não, vô ngã; liả tất cả mọi cảnh giới, không trú vào một cõi nào, tài tình danh lợi không vướng mắc; phải có tâm vô lượng, giới vô lượng, tuệ vô lượng, không có mé bờ. Thứ năm là tâm phải rỗng không, hoàn toàn không ngăn ngại trước mọi phe nhóm, thân quyến, lợi lộc v.v...

Tất cả năm điều ấy, đúng như Đức Đạo sư đã dạy Ràhula: "*Này Ràhula! Con nên thực hành, tiến tu, làm thế nào cho tâm trở nên rỗng không, như hư không vậy.*"

204. Về mặt trăng

- Về mặt trăng, xin đại đức giảng giải cho, nó có mấy điều cùng sự liên hệ với sa môn hạnh?

- Tâu, vâng. Mặt trăng cũng có năm điều:

Thứ nhất, những đêm đầu tháng, trăng thượng huyền tỏa ánh sáng rất yếu; nhưng rồi nó sẽ sáng dần lên cho đến khi trăng tròn. Phạm sự tu tập cũng y như thế. Pháp học, pháp hành đều y như thế. Giới định tuệ cũng y như thế. Nghĩa là từ từ mà trau dồi học giới, từ từ mà an trú tâm định, từ từ trí tuệ sẽ sáng tỏ viên mãn.

Thứ hai, mặt trăng là một vật rất lớn, phạm hành giả tu tập sa môn hạnh phải nuôi dưỡng đề mục, tinh tiến trong đề mục để thành tựu quả lớn lao cho mình.

Thứ ba, mặt trăng mọc vào ban đêm, di chuyển trong đêm và sáng dần lên trong đêm; cũng vậy, vị tỳ khưu phải ở nơi thanh vắng, thực hành nơi thanh vắng, từ từ trí tuệ sẽ sáng dần lên nơi thanh vắng.

Thứ tư, mặt trăng tự sáng cho chính mình, tự thấp lên ánh sáng cho chính mình, tự dựng ngọn cờ cho chính mình; vị tỳ kheo cũng nên như thế, tự trong sạch giới cho chính mình, tự tỏa hương giới cho chính mình, tự dựng ngọn cờ giới cho chính mình.

Thứ năm, dù chẳng ai cầu thì mặt trăng vẫn cứ soi sáng cho thế gian; vị tỳ khưu cũng vậy, chẳng ai cầu vẫn mang ánh sáng trí tuệ ban rải cho thế gian. Đúng như Phật ngôn trong Samyutta Nikàya: "*Này các thầy tỳ khưu! Các thầy nên đi đến mọi nơi, mọi gia đình, mang ánh sáng mặt trăng mà đi; phải thu thúc, gìn giữ phẩm hạnh của mình, đừng buông thả, đừng khoe khoang hay kiêu ngạo.*"

Đây là năm đức tính của mặt trăng ở nơi một vị sa môn, tâu đại vương!

205. Về mặt trời

-Về mặt trời thì có sáu chi, như sau:

Thứ nhất, mặt trời có tính dụng làm cho khô, thiêu đốt mọi vật; vị tỳ khưu cũng phải làm cho khô ráo nước ái dục, phải thiêu cháy tất cả mọi phiền não.

Thứ hai, mặt trời trừ diệt những chỗ tối tăm; vị tỳ khưu cũng phải trừ diệt những tham lam đen tối, những sân hận đen tối, những si mê đen tối, những tà kiến đen tối, trược hạnh đen tối.

Thứ ba, mặt trời hằng có kỷ luật của mình, hằng xoay vần quanh chính mình; vị tỳ khưu cũng phải như thế, phải sống theo giới luật của mình, phải xoay quanh phạm sự của mình, đừng nên để cho giới luật mình hư hỏng, phạm sự của mình trái lệch.

Thứ tư, mặt trời có tính năng tỏa nhiệt, nung nóng trái đất, mọi loài, mọi vật; vị tỳ khưu khi tu tập phải nung nóng nhiệt tình làm cho chư thiên và nhân loại cũng phải nóng lên do hạnh kiểm, giới đức, thiền định, lục căn thanh tịnh, thất giác chi, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ thần túc và giải thoát của mình.

Thứ sáu, mặt trời trong hành trình của nó, nó sợ nhất là mặt trăng che ám; vị tỳ khưu cũng phải thế, phải hằng kinh cảm, thương xót chúng sanh lặn hụp trong bốn đường ác, đầy dẫy chấp thủ, tà kiến, phiền não, đi sai lầm đường nên phải chịu những thống khổ.

Thứ sáu, mặt trời hằng soi chiếu, tỏ rõ mọi vật, vị tỳ khưu cũng phải soi chiếu, tỏ rõ tâm mình, pháp thực hành của mình v.v...

Tôn giả Vangisa có thuyết rằng: "*Khi mặt trời mọc lên, soi rõ thấy sắc của tất cả vật hữu sắc, xấu tốt, sạch dơ nó đều thấy cả. Vị tỳ khưu cũng phải vén mở vô minh và ái dục để nhìn thấy pháp, tỏ rõ pháp, đồng thời cũng phải giúp chúng sanh thấy rõ như mình đã thấy.*"

206. Về trời Đế Thích

-Tâu đại vương! Trời Đế Thích có ba điều là, thứ nhất, hằng mãi nguyện trong phước báu an lạc của mình. Thứ hai, ngài là vị vua lớn của chư thiên, khi gặp chánh pháp rồi thì hằng tán dương chánh pháp, làm cho phước báu an lạc kia được tăng trưởng hơn nữa. Thứ ba là trời Đế Thích không bao giờ chán nản trong địa vị của mình, trong sự an lạc của mình.

Tương tự thế, trước hết, vị tỳ khưu cũng phải thỏa thích, an lạc trong cõi vắng lặng của mình. Thứ hai là hằng tán dương pháp, xem pháp là cao quý to lớn; luôn luôn hoan hỷ, tươi vui, giải trừ lười biếng, giải đãi để cho an lạc, vắng lặng kia cũng được phát triển thêm nữa. Thứ ba là không bao giờ chán nản trong cõi thanh vắng, cõi an lạc mà mình đang thọ hưởng.

207. Về Chuyển luân Thánh vương

- Về Chuyển luân Thánh vương thì có bốn điều, tâu đại vương!

- Vâng, trẫm xin nghe.

- Thứ nhất là, đức Chuyển luân cai trị quốc độ, sở dĩ muôn dân thuần phục là do bốn pháp tế độ (*tứ nhiếp pháp: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự*); vị tỳ khưu cũng hằng nên như thế, dùng bốn pháp tế độ để sống chan hòa với tứ chúng, môn đệ.

Thứ hai, trộm cướp không bao giờ phát sanh trong quốc độ của vua Chuyển luân; vị tỳ khưu cũng phải làm cho "*quốc độ lòng mình*" yên vui, thanh bình; đừng để cho các loại đạo tặc là các tà tư duy (*dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy*) phát sanh những loạn, tác hại.

Thứ ba, Đức Chuyển luân mỗi ngày thường nghĩ đến thiện ác, nghĩ đến phước tội; và thường giáo huấn, nhắc nhở muôn dân trong quốc độ của mình, rộng cho đến biên cương, hải đảo, sống đời hiền lương, trong sạch. Vị tỳ khưu cũng mỗi ngày phải giáo dục, nhắc nhở thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp cho tốt đẹp thêm, hoàn thiện thêm. Đúng như lời của Đức Tôn sư thuyết trong Anguttara: "*Bậc xuất gia phải luôn luôn nghĩ rằng, ngày và đêm trôi qua, ngày và đêm cứ trôi qua như thế, ta phải làm gì với phẩm hạnh sa môn?*"

Thứ tư, đức Chuyển luân tuy sống trong quốc độ thái bình, an lạc, nhưng ngài luôn đề phòng cả bên trong lẫn bên ngoài không để cho bất cứ một hiện tượng xấu, ác nào phát sanh có thể làm nguy hại cho quốc gia. Cũng vậy, vị tỳ khưu phải thường trực chánh niệm và tỉnh giác để canh giữ giấc trong cũng như giấc

ngoài, đừng để cho phiền não có cơ hội khởi động, tác hại quấy phá mình. Đúng như Đức Thế Tôn đã thuyết: *"Này các tỳ khuru! Các vị Thánh văn, A-la-hán thường có chánh niệm và tỉnh giác, thường trực ngăn niệm ác, giữ niệm lành; thường dứt pháp có tội và tiến tu pháp không tội, luôn để cho tâm mình thuần khiết, trong sạch."*

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

208-244

208. Về con mối

- Tâu đại vương! con mối thường lầy đất làm tổ, bên trong trống bọng để ở. Khi đi kiếm vật thực, mối cũng làm một con đường bằng đất rỗng để bò phía bên trong. Vị tỳ khuru cũng phải nên như thế, bất cứ trú xứ nào, bất kỳ ở đâu cũng lầy *giới* mà bao che mình, mà ẩn bên trong; khi đi vào xóm làng để khát thực cũng ẩn trong *sa môn pháp, thu thúc giới* để giữ mình. Đúng như đại đức Upasena nói: *"Một hành giả tu tập sa môn hạnh, phải có đồ bao che, tức thu thúc giới để phòng tâm, để bảo vệ tâm thoát khỏi phiền não và thoát khỏi sợ hãi."*

209. Về con mèo

- Tâu đại vương! Con mèo có hai điểm cần phải học hỏi như sau:

Thứ nhất, mèo ở nhà hay mèo rừng, dù bất cứ đâu, trong hang, hóc núi, bọng cây hoặc ở chung với người cũng thường dễ dàng tìm bắt chuột. Bắt chuột là sở trường của mèo. Một vị tỳ khuru ở trong am miếu, tịnh thất, khu rừng, dưới cội cây, ở chỗ trống hoặc trong nhà vắng vẻ; hằng tinh tấn trì bình nuôi mạng, phải biết *quán tưởng, niệm thân*. Vì quán tưởng, niệm thân là nhiệm vụ của tỳ khuru vậy.

Thứ hai, mèo thường không đi đâu xa, chỉ kiếm ăn ở gần thôi; vị tỳ khuru cũng vậy, không cần thiết phải tưởng nghĩ những chuyện xa xôi hoặc khởi niệm đi tìm cầu chỗ này chỗ nọ, mà phải *tu tập ngay chính ở đây, ở nơi thân tâm mình*. Đây là quán tưởng sự sanh diệt của ngũ uẩn, thấy rõ sự chấp thủ về sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nó sanh do nhân như vậy, diệt do nhân như vậy. Đúng như Đức Chánh Đẳng Giác thuyết: *"Đừng tìm kiếm đâu xa, ví như tầm cầu cảnh giới phạm"*

thiên chẳng hạn. Chỉ nên tu tập ở ngay nơi ngũ uẩn này, hãy tinh tấn quán tưởng ngũ uẩn này cho đến lúc nhàm chán và xuất ly nó."

210. Về con chuột

- Tâu đại vương, về con chuột, thì khi nào nó rời khỏi hang để đi chỗ này chỗ kia, chỉ có một mục đích duy nhất là tìm kiếm vật thực. Vị tỳ khưu cũng nên như thế. Dù đi đâu, dù đến trú xứ nào, hoặc bộ hành chỗ này sang chỗ khác, vị tỳ khưu cũng chỉ với mục đích duy nhất là *hướng trí tuệ đi đúng đường, là khởi tâm đúng với sự thật - là như lý tác ý (yonisomanasikàra) mà thôi!* Ngài Upasena có nói: *"Khi tiến tu quán minh, vị tỳ khưu có tâm tịch tịnh, có chánh niệm, luôn luôn biết rằng mình đang cầu pháp."*

211. Về con bò cạp

- Tâu đại vương! Con bò cạp có cái đuôi làm khí giới, lúc đi đâu nó giở đuôi lên. Vị tỳ khưu có *tuệ là khí giới*, đi đâu cũng hằng lấy tuệ ấy lên để nhìn ngắm xem xét. Ngài Upasena có nói rằng: *"Hành giả tu tập quán minh, hằng có cây gươm là trí tuệ, đi đâu cũng mang cây gươm ấy đi theo, sẽ thoát khỏi tất cả nỗi sợ hãi, chẳng có sợ hãi nào dám bén mảng đến."*

212. Về con chồn

- Tâu đại vương! Con chồn khi vào hang, đánh được mùi rắn, cơ thể nó tự động toát ra một loại mồ hôi khiến rắn không thể xâm phạm được. Vị tỳ khưu khi đi vào giữa thế gian, đầy đầy những người phức tạp như: ưa tranh cãi, gây sự, hiềm hận, áp bức nhau - nên xoa lên người một lớp *tâm từ* thì sẽ được bình yên vô sự. Đúng như đức Pháp chủ có thuyết: *"Vị tỳ khưu phải có tâm vô lượng, quảng đại, dù kẻ nghịch với ta đông đến số trăm, số ngàn cũng phải rải tâm từ đồng đều cả thảy. Đây là lời giáo huấn của chư Phật."*

213. Về chó rừng

- Về chó rừng thì có mấy điểm, thưa đại đức?

- Tâu, có hai điểm.

Thứ nhất, chó rừng dễ gặp được vật thực, cứ làm một bụng no, chẳng chê bai bao giờ. Vị tỳ khưu khi xin được vật thực, không nên khởi tâm chê bai, chỉ dùng để *nuôi dưỡng thân thể, duy trì sanh mạng để tu tập*. Đúng như lời đức Đại Ca-diếp kể lại câu chuyện của mình: *"Hôm ấy tôi rời khỏi chỗ ở, đi vào xóm để khát*

thực. Có một người đàn ông mắc bệnh cùi đang thọ dụng vật thực, thấy tôi, ông ta cung kính lấy phần ăn của mình đặt vào bát cho tôi. Một ngón tay cùi của ông rơi vào bát. Tôi ngồi xuống tại chỗ, quán tưởng, lấy ngón tay ra rồi thọ dụng vật thực một cách chánh niệm, chẳng nhòm góม chút nào."

Thứ hai, chó rừng khi được vật thực rồi, chẳng phân biệt ngon hay dở đều ăn một cách tự nhiên. Hành giả tu tập cũng vậy, khi có vật thực chẳng lựa ngon hay dở, ít hay nhiều, tâm thường *hoan hỷ để thọ dụng*. Đúng như đại đức Upasena thuyết: "*Vị tỳ khưu phải tiết chế tâm mình, hằng tri túc và hoan hỷ khi thọ dụng vật thực dù là vật thực tầm thường. Người thích nhiều vật thực và vị ngon, người ấy sẽ khó an hỷ trong thiền, khó tiến bộ trong đời sống sa môn hạnh."*

214. Về con nai

- Con nai cũng có ba chi điều cần học tập, tâu đại vương.
- Xin đại đức cứ giảng.
- Tâu, vâng.

Điều thứ nhất của nai là, ban ngày thường ở trong rừng, đến tối thì tìm đến nơi những khoảng trống. Vị tỳ khưu cũng thường như thế, ban ngày ở trong rừng, đến tối tìm đến nơi khoảng trống để hành thiền. Đúng như lời của Đức Phật thuyết cho Đức Xá-lợi-phất nghe: "*Này Xá-lợi-phất! Thời nửa đêm, nhằm trong khoảng mùa lạnh, là khi tuyết rơi; vì mùa ấy tuyết rơi đêm nên Như lai phải tìm đến nơi khoảng trống, ban ngày thì ở trong rừng. Đến tháng chót của mùa nóng, ban ngày Như lai ở trong nơi trống, ban đêm lại ở trong rừng."*

Điều thứ hai, nếu nai bị thợ săn bắn một mũi tên, dẫu né tránh được, nai vẫn không bao giờ còn quay trở lại chỗ bị bắn ấy. Hành giả tu tập sa môn hạnh cũng như thế, đã tránh né được một loại phiền não nào rồi thì không dại gì trở lại chỗ phiền não ấy nữa.

Điều thứ ba, nai khi gặp người, thường tìm cách dấu mình ở chỗ nào đó để người khỏi trông thấy. Cũng vậy, vị tỳ khưu tu tập sa môn hạnh khi thấy chỗ nào có sự gây gỗ, cãi cọ, tranh chấp; nơi nào có người phá giới, lười biếng; hoặc chỗ chùa có sự hỗn tạp, nhiễu loạn - thì vị ấy cũng tránh đi với ý nghĩ rằng, sẽ không cho họ tìm thấy, y như con nai kia vậy.

Đúng như ngài Xá-lợi-phất có thuyết: "*Người nhiều tham dục, lười biếng; kẻ buông thả, dễ duôi, không có tinh tấn; người không chịu nghe pháp, xa lìa hạnh*

kiềm, bỏ giới, không tầm quý; kẻ chỉ thích nơi huyên náo, không thích chỗ vắng lặng... với những người như thế xin họ đừng đến chỗ tôi, và cũng cho tôi đừng nhìn thấy họ dù chỉ một chốc, một thoáng, một lát."

215. Về con bò

- Về con bò thì có 3 chi điều, đại vương hãy nghe, bần tăng sẽ nói.

- Thừa vâng!

Thứ nhất, con bò đã ở cái chuồng nào là nó không bao giờ bỏ cái chuồng ấy, dù dột nát hoặc hư hỏng. Bậc hành giả cũng tương tự thế. Khi đã thọ trì phạm hạnh và đã thực hành phạm hạnh thì cương quyết đi hết đoạn đường, *dù vui dù khổ thế nào cũng không từ bỏ phạm hạnh* của mình.

Thứ hai, con bò mang cái ách trên cổ và kéo cày, không để ý đến chuyện vui hay khổ. Bậc hành giả thọ trì phạm hạnh và thực hành phạm hạnh hằng cố gắng thực hành phạm hạnh suốt cuộc đời cho trong sạch, cho viên mãn, không hề nghĩ đến sự vui hay khổ, y như bò vậy.

Thứ ba, bò thường ăn cỏ no rồi uống nước; ai cho bò ăn cỏ, uống nước, bò đều ăn no, uống nước không phân biệt. Bậc hành giả phạm hạnh cũng y như thế. Họ sẵn sàng thọ nhận sự giáo huấn, nhắc nhở, nghe pháp từ bất cứ ai; đây là vị thượng tọa, tỳ khưu trung niên hoặc tỳ khưu mới tu, tại gia nam nữ cư sĩ hoặc chỉ là người thiện nhân ở ngoài đời... Họ đều cung kính lắng nghe, học hỏi những lời hay ý đẹp với tâm trân trọng. Đúng như lời kể chuyện sau đây của Đức Pháp chủ: *"Ví dụ có vị sa di bảy tuổi mới tu nhưng có giới hạnh trong sạch, có tâm vắng lặng, có trí tuệ rạng ngời... đến bảo ban, nhắc nhở tôi, giáo huấn tôi, tôi sẵn sàng thọ nhận và ghi tâm khắc cốt lời vàng ngọc. Khi gặp người ấy, không những tôi khởi tâm thương mến mà còn đem lòng kính trọng. Tôi sẵn sàng đánh lễ vị ấy và xem vị ấy như thầy a-xà-lê, như thầy hòa thượng của tôi vậy."*

216. Về con heo

- Con heo thì có hai điều.

Thứ nhất, khi trời nắng nóng, heo thường trằm mình trong nước. Vị hành giả tu tập cũng vậy, khi có các trạng thái tâm nóng nảy, bứt rứt, tức giận, cuồng nộ v.v... thiêu đốt; vị ấy bèn chìm mình xuống trong *tâm từ mát mẻ* để giải trừ cái nóng ấy.

Thứ hai, con heo gặp khoảng nước không có bùn lầy thì dùng cái mũi húc ủi đất cho thành vũng rồi nằm xuống. Cũng vậy, vị hành giả khi gặp các dục tham bên ngoài lôi kéo, xáo động; vị ấy bèn trở về với cái thân của mình, húc cái thân của mình, quán xét cái thân của mình - tức là *niệm thân* - để chôn chặt tâm niệm của mình ở đấy, nằm ở đấy để ngăn các loại phiền não bên ngoài. Đại đức Pinadola bhàra Dvaja cũng có thuyết tương tự: "*Bậc hành giả là người tiến tu mình sát tuệ, đã thành thực về niệm thân, thì cứ làm cho thân được tiến bộ. Thời gian ấy nên ở một mình với đề mục niệm thân ấy, chẳng nên để cho người thứ hai, pháp thứ hai nào xen nằm ở trong cảnh giới ấy.*"

217. Về con voi

Đức vua Mi-lan-đà nói:

- Tất cả những ví dụ của đại đức rất hay mặc dầu có sự trùng lặp chỗ này chỗ kia; tuy nhiên, đại đức cũng chẳng ngại gì sự trùng lặp ấy. Trùng lặp thì dễ nhớ, dễ thuộc, không sao cả.
- Tâu, vâng. Cảm ơn đại vương đã khuyến khích. Thật ra, bản tăng cũng đã bỏ chút ít những chỗ trùng lặp rồi.
- Vâng, trăm cũng biết thế.
- Ý đại vương là trong những câu hỏi còn lại, bản tăng chẳng nên bỏ bớt hay sao?

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu:

- Đúng vậy.
- Thế thì bây giờ chúng ta sang chuyện con voi!
- Vâng, con voi, có năm chi điều, mong đại đức cứ tuần tự thứ lớp cho nghe.
- Tâu, vâng!

Thứ nhất, con voi đi trên đường thường dùng chân của mình để đạp hoặc đá những đất cục. Tương tự thế, vị hành giả tiến tu chỉ tịnh và quán minh cũng hằng nên *đạp và đá vỡ những phiền não lác đác nằm ở trên lộ trình*, y như voi vậy.

Thứ hai, voi đi - thì chỉ một mục nhìn thẳng, tùy thân mình mà đi chứ không nhìn ngang nhìn ngửa, trông hướng này hướng kia. Bậc hành giả cũng nên như thế, nên chăm chăm quán tưởng niệm thân mà đi; mắt luôn luôn thẳng ở phía trước,

chỉ hơi cúi xuống chừng một đòn gánh, đừng lảo liêng ngó đông ngó tây - như voi vậy.

Thứ ba, voi thường không ở một trú xứ nào nhất định, không ở hoài một nơi; tùy thuộc nơi nào có vật thực, ăn no ở đấy rồi nghỉ luôn ở đấy. Cũng vậy, bậc hành giả nên không có chỗ ở, không lưu luyến chỗ ở; cũng không nên lưu luyến chỗ trì bình khát thực, hễ cứ gặp đâu thì kiếm vật thực ở đấy; gặp đâu nghỉ đấy, dù là cái chòi hoang, cội cây, hốc núi, nghĩa địa hoặc nơi đồng không mông quạnh; chẳng nên lựa tìm chỗ thích ý, vừa lòng!

Thứ tư, voi thường tìm chỗ uống nước ở những nơi có hồ lớn, nước trong mát, có hoa sen hoa súng nở đầy, hương thơm ngát. Tại chỗ ấy, voi uống nước, voi tắm, voi đùa giỡn và ăn luôn cả hoa sen, hoa súng, củ sen, củ súng. Cũng tương tự thế, bậc hành giả cũng thường tìm đến cái hồ "*đại niêm xứ*" của mình, có *nước pháp* trong sạch, mát mẻ không như đục; có các loại hoa sen, hoa súng thơm ngát là *các hỷ lạc* và *các loại giải thoát*. Vị ấy *uống* các pháp ấy, nhờn nhờn bôi lội trong nước ấy, *ăn* luôn cả hỷ và các loại giải thoát ấy.

Thứ năm, khi đi, voi dờ chân lên thì biết mình đang dờ chân lên, khi đạp xuống thì biết mình đang đạp chân xuống; nghĩa là luôn luôn chánh niệm, tỉnh giác trong mỗi oai nghi của mình. Bậc hành giả cũng phải như thế. Lúc nào cũng chánh niệm, tỉnh giác khi chân dờ, chân đạp, đi lui, đi tới, co tay vào, duỗi tay ra v.v... không bỏ sót bất kỳ một động tác nào mà không được ghi nhận. Nói cách khác, mỗi sát na của *thân hành*, *ý hành*, *khẩu hành* cần phải được chánh niệm tỉnh giác. Tương tự như Đức Phật đã thuyết: "*Thu thúc thân khẩu ý là việc tốt. Thu thúc tất cả lại là điều tốt hơn. Ai là người biết hổ thẹn trong khi thấy mình chưa được thu thúc tất cả; bậc trí tuệ hằng khen ngợi kẻ ấy là người biết phòng hộ, biết bảo vệ và biết thương mình.*"

Đức vua Mi-lan-đà nghe xong, nói:

- Con voi này thật là quá hay!
- Vâng, còn nhiều cái hay nữa, tâu đại vương!

218. Về sự tử

- Về sự tử thì có sáu chi điều, đại vương hãy nghe.
- Thưa vâng.

Thứ nhất, sắc lông sư tử thường có màu vàng nhưng rất mịn màng, sạch sẽ; nó không thích sự dơ dáy, thường tránh xa chỗ dơ dáy. Bạc hành giả phạm hạnh cũng hằng phải giữ tâm *mịn màng và sạch sẽ* như sư tử vậy; không thích cấu uế, trần lụy và hằng tránh xa chỗ cấu uế, trần lụy.

Điều thứ hai, sư tử có bốn chân uy mãnh, nó có sức khỏe, có thần lực, có thể chạy khắp rừng một cách mau lẹ. Bạc hành giả tu tập *tứ thần túc* cũng sẽ có uy lực, thần lực đi đây đi đó mau lẹ còn hơn thế nữa.

Điều thứ ba, sư tử kiếm được món ăn nơi nào thì dùng ngay tại chỗ ấy, dùng xong không cất để dành, không dùng lại thức ăn thừa. Bạc hành giả trì bình khát thực cũng y như thế, gặp món gì dùng món ấy, xin được nhiều ít, thọ dụng chỗ nhiều ít ấy, không lựa chọn, không cất đặt món ăn, không để dành món ăn. Luôn luôn sống đời tri túc, dễ nuôi, hằng quán tưởng rằng *vật thực chỉ dùng để duy trì sanh mạng, sức khỏe để tu tập*.

Thứ tư, sư tử có thân hình uy nghi, phương phi, đẹp đẽ; có vàng lông cổ rực rỡ, sáng sủa. Bạc hành giả cũng có thân hành xinh đẹp, tươi nhuận; cũng có giới hành rực rỡ, quang minh, đẹp đẽ - như sư tử vậy.

Thứ năm, sư tử dù có bị uy hiếp vì sự chết, vì sanh mạng, cũng không chịu hàng phục bất kỳ một mãnh thú nào. Bạc hành giả phạm hạnh cũng không hề chịu chuộng bất cứ ai để kiếm y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc men! Dù có mất mạng sống, bậc phạm hạnh vẫn *giữ tư cách, giới học* của mình, không chịu khuất phục trước bất kỳ một thế lực nào.

Thứ sáu, sư tử đi kiếm ăn bất kỳ ở đâu cũng không hề sợ hãi, không say mê món ăn. Bạc hành giả cũng không khởi tâm khiếp nhược khi đi trì bình khát thực, quán tưởng vật thực mới ăn, nhưng không say mê miếng ăn, không chịu nô lệ bởi cái ăn - tương tự như sư tử vậy. Đúng như đại đức Mahà Kassapa đã nói: "*Tôi là tỳ khưu, là người thọ trì giới, nâng đỡ giới trong sạch nên tôi hằng tri túc trong y phục và vật thực, dù có dù không; và tôi cũng hằng khen ngợi sự tri túc trong vật thực và y phục, dù có dù không. Là tỳ khưu, đừng nên thực hành hạnh thấp thỏi, hạ liệt, thật không xứng đáng phẩm hạnh của mình. Có, không cũng được, đừng sợ hãi, đừng khiếp nhược. Có, không cũng an hỷ và vắng lặng, phải thấy rõ tội trong khi thọ dụng tứ sự. Chính Đức Thế Tôn đã từng thuyết như thế, các thầy nên thọ trì.*"

219. Về vịt nước

- Về vịt nước thì có ba chi, tâu đại vương.

Thứ nhất là nó có tính thủy chung, không bao giờ bỏ vợ con mà đi, nó sống thành cặp thành đôi với vợ cho đến trọn đời. Bậc hành giả cũng trọn đời thủy chung với trí tuệ, bao giờ cũng chú tâm đúng, hướng tâm đúng. Không bao giờ rời xa trí tuệ, mà sống với trí tuệ cho đến khi lia bỏ ngũ uẩn.

Thứ hai, vịt nước thường sinh sống bằng cách ăn ốc, rong rêu và lá cây, và suốt đời thỏa thích, sung sướng với loại thực phẩm ấy nhưng sức khỏe không giảm sút, sắc lông không nhạt phai. Cũng tương tự thế, bậc hành giả tri túc về tứ vật dụng, đầy đủ cũng vậy, có ít cũng vậy, không có cũng vậy... nhưng không bao giờ giảm sút giới định tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cùng tất cả mọi thiện pháp khác.

Thứ ba, vịt nước không bao giờ sát sanh; bậc hành giả suốt đời cũng bỏ đao, bỏ gậy, không bao giờ sát hại sanh mạng của tất cả chúng sanh; ngoài ra, lại còn khởi tâm từ đồng đẳng đến mọi loài nữa. Đúng như Đức Chánh Đẳng Giác đã thuyết: *"Người nào không bức hiếp chúng sanh, không có hại tâm với chúng sanh, không làm khổ chúng sanh; lại không bảo kẻ khác bức hiếp, giết hại, làm khổ chúng sanh - thì kẻ ấy thật đã có lòng từ, không còn kết oan trái với chúng sanh nào nữa cả."*

Vịt nước có ba điểm như vậy đó, tâu đại vương!

- Thừa, vâng. Trẫm thọ trì.

220. Về chim Venàhikà mái

- Về chim Venàhika mái, có hai điều cần phải được ghi nhận.

Thứ nhất: Chim Venàhika mái hằng ganh ghét chim trống - là chồng của nó - thường bắt chim trống ở trong tổ để giữ con, bít miệng tổ lại bằng vật dơ. Hằng ngày, chim Venàhika mái bằng sức lực của mình, đi kiếm thức ăn về nuôi cả chồng cả con. Cũng tương tự thế, bậc hành giả cũng bắt phiền não nhốt vào cái tổ là thu thúc giới, lấy niệm thân và ý môn để canh giữ.

Thứ hai: Chim Venàhikà mái đi kiếm ăn về muộn, gặp trời chiều, không đi một mình mà thường kiếm bầy đàn để nhập đoàn. Lý do là để tránh sự nguy hiểm. Bậc hành giả cũng nên như thế, khi ở nơi thanh vắng để tu tập, nhờ trú trong

pháp, nhờ pháp bảo vệ nên được an hỷ. Tuy nhiên, nếu một lúc nào đó cảm thấy không được an vui - thì nên nhập Tăng chúng, sống với Tăng chúng, nhờ đức của Tăng để bảo vệ, che chở cho mình thoát khỏi sự bất an và sợ hãi. Đúng như đại phạm thiên Sahampati tâu với Bồ đề sư: *"Bậc hành giả mong thoát khỏi triền phược thì nên tìm đến nơi thanh vắng để thực hành chỉ, quán, dù mình không thỏa thích; sau đó, thỉnh thoảng trở lại với Tăng đoàn để tìm nơi nương tựa."*

221. Về chim sẻ

- Tâu đại vương! về chim sẻ thì chỉ có một điểm mà thôi. Là khi nó làm tổ, nương nhà người, nó rất cẩn thận, chỉ chọn một hốc kín đáo nào đó thôi, không làm tác hại đến bất kỳ một vật dụng nào của người. Bậc hành giả cũng cần nên như thế. Khi có công việc đi đến nhà thí chủ, luôn luôn tâm niệm mình là một sa môn, thọ trì chánh mạng thanh tịnh giới; nên đừng bao giờ khởi tâm hoặc đụng đến chỗ ngồi, chỗ nằm, vật trang điểm, vải vóc, đồ dùng... ở nơi nhà của người. Đúng như Đức Thiện Thệ đã thuyết: *"Là tỳ khưu đi đến nhà thí chủ do có sự thỉnh mời, chỉ nên thọ dụng và tri túc những vật thực dāng cúng, chẳng nên đam luyến bất cứ cái gì khác."*

222. Về chim cu

- Chim cu có hai chi điều sau đây, tâu đại vương!

Thứ nhất, kẻ thù của chim cu là con quạ; nhất là vào lúc nửa đêm, gặp quạ thì chim cu đánh, cắn, xé rất dữ. Bậc hành giả ở nơi thanh vắng tu tập, cũng có một kẻ thù là vô minh; phải chiến đấu, phải đánh, phải cắn xé vô minh, hủy trừ vô minh cho đến tuyệt diệt, phải đoạn lìa vô minh từ ngọn đến tận gốc rễ.

Thứ hai, chim cu thường ẩn mình rất kín đáo, trong rừng hoặc trong lùm cây rậm. Bậc hành giả cũng phải tìm ẩn kín đáo trong rừng hoặc nơi thanh vắng không ai tìm thấy, giống như chim cu vậy.

Hãy nghe lời Đức Phật thuyết trong bộ Samyutta Nikāya (Tương ưng bộ): *"Này các thầy! các thầy nên lựa tìm nơi thanh vắng mà tham thiền, thỏa thích tham thiền, an vui tham thiền. Nhờ vậy, đến một lúc nào đó, các thầy có thể thấy rõ đây là khổ, đây là nguyên nhân khổ, đây là khổ diệt, đây là khổ diệt đạo."*

223. Về con rít

- Tâu đại vương! Con rít chỉ có một điều. Là nó rất ít kêu, nhưng khi nó kêu ở trong nhà ai - thì nó sẽ báo cho chủ nhân biết một trong hai điều sẽ xảy ra: đó là sự an vui tốt đẹp hay là điều rủi ro, tai hại. Bậc hành giả cũng nên làm như rít vậy, phải báo tin lành, tin dữ đến cho chúng sanh biết. Phải thường hay nói pháp, đây là quả báo của ác nghiệp, dẫn dắt chúng sanh vào bốn đường đau khổ; đây là quả báo của thiện nghiệp, hằng đưa chúng sanh đến cảnh giới hạnh phúc, an lạc trời, người v.v... Đúng như đại đức Pindola Bhàra đã thuyết: "*Bậc hành giả nên thuyết về phước và tội, lành và dữ đến cho chúng sanh nghe. Và sau rốt là nên thuyết con đường đến Niết bàn, đem đến nguồn hạnh phúc cao thượng cho chúng sanh. Đây là hai điều lợi ích cần làm của hành giả.*"

224. Về con dơi

- Về con dơi có hai điều. Thứ nhất, là dơi đến nhà ai, vào ra đều thông dong tự tại; không lưu luyến gì, không trụ ở đâu cả, không dính vật gì cả. Điều thứ hai, dơi đến nhà ai, không xâm phạm ai, không đem điều tai hại đến cho ai.

Hai điều ấy tương quan đến đời sống phạm hạnh của bậc hành giả như sau:

Vị tỳ kheo khi trì bình khát thực đến nhà thí chủ, vào ra đều an nhiên, vắng lặng, không lưu luyến gì, không dính gì ở trong tâm cả.

Vị tỳ kheo khi trì bình khát thực hoặc có công việc đến nhà thí chủ, đừng đem sự nóng nảy, bực bội hoặc chán nản đến cho người. Ví dụ, vị ấy không nên có vẻ nhiều ham muốn quá, cử động tay chân nhiều quá, nói nhiều quá, ngồi lâu quá v.v...

Nói tóm là vị tỳ kheo đừng nên làm phiền người khác vì bất cứ một điều gì; một mực gìn giữ giới hạnh và tác phong của mình. Đúng như lời Đức Phật đã thuyết: "*Vị tỳ khưu hành phạm hạnh, nếu có giao tiếp với đại chúng, thì làm sao đừng để cho đại chúng mất đức tin; mà phải làm cho tăng trưởng đức tin, trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ cùng các thiện pháp và tịnh giả pháp. Ngoài ra, nếu họ ước mơ có lắm vàng nhiều bạc, ruộng vườn, vợ con, thú bốn chân, thân quyến, bạn bè, dòng họ, sống lâu, sắc đẹp, yên vui trong cả đời này và đời sau... vì tỳ khưu cũng nên tùy thuận mà cầu nguyện cho họ.*"

225. Về con đĩa

- Về con đĩa thì có một chi điều, như sau:

Khi nó đã đeo dính vào người hoặc thú - thì nó bám chặt để hút máu, không cho rời ra. Bậc hành giả khi tham thiền cũng phải bắt dính đề mục, nắm chắc cảnh giới ấy không buông lơi... Con đũa hút máu như thế nào, hành giả cũng phải gần gũi với hương vị giải thoát y như thế.

Ngài A-nậu-đà-la (*Anuruddha*) có thuyết: "*Bậc hành giả quyết phải nắm chắc cảnh giới do tâm trong sạch không có cấu uế sinh ra. Chính nhờ cảnh giới ấy, vị ấy sẽ được thân cận với hương vị giải thoát, nơi làm cho lạc mãn, làm cho hỷ mãn!*"

226. Về con rắn

- Về con rắn thì có ba điều, tâu đại vương!

Thứ nhất: Rắn bò bằng cái bụng, bao giờ cái bụng nó cũng tiếp giáp với đất, tiếp giáp vào chỗ tựa để trườn lên, để bò đi. Bậc hành giả cũng phải dùng trí tuệ để bò đi, để trườn đi, để lên đường. Nhưng bao giờ trí tuệ ấy cũng phải bám, phải tựa trên đất thực, đừng xa lìa cái thực, ấy là tam tướng tuệ: vô thường, khổ não và vô ngã.

Thứ hai: Rắn bò đi, nếu gặp phải cây thuốc (*trị độc rắn*) là nó bèn tránh đi, trốn sang nơi khác. Bậc hành giả cũng vậy, phàm lúc tiến tu mà gặp bạn ác, bạn xấu hoặc gặp những pháp trược hạnh, nơi phát sanh cấu uế thì cũng phải tránh gặp để tự bảo vệ cho mình.

Thứ ba: Rắn khi cắn người hoặc thú rồi, nó liền trốn tránh đi chỗ khác. Bậc hành giả cũng vậy, khi đã dứt trừ được những tư tưởng xấu quấy rồi thì tránh đừng nên gặp những cái xấu ác ấy nữa.

227. Về con trăn

- Về con trăn thì có một điểm. Là vì nó có thân hình lớn, cái bụng quá to, nên ít khi có vật thực đầy đủ, thường thì nó chỉ có được chừng mực nào đó thôi! Bậc phạm hạnh cũng tương tự như thế, khi trì bình khát thực, không phải lúc nào cũng đầy bát. Vậy phải biết tri túc, nhiều ít gì không quan trọng, thọ dụng chỉ để duy trì mạng sống. Đúng như lời của đại đức Pháp chủ:

"Vị tỳ khưu khi thọ dụng vật thực dù cứng hay mềm, ướt hoặc khô, ngon hay dở... nên thọ dụng chừng mực, đừng nên quá no. Phải biết quán tưởng, phải có chánh niệm, tỉnh giác; nên ngưng đừng ăn nữa khi còn chừng bốn, năm miếng là

đầy bụng, rồi uống nước. Thọ dụng như thế thân sẽ nhẹ nhàng, tâm sẽ an vui, xứng với phẩm hạnh sa môn của mình."

228. Về nhện giăng lưới

- Về nhện giăng lưới thì có một điểm có thể đem ra ví dụ. Là nó hằng kéo tơ giăng lưới rồi bắt ruồi, lặn, ong, muỗi dính nơi lưới ấy để ăn. Bậc hành giả tu tập cũng nên tập như nhện vậy, là đóng chặt cả sáu căn rồi giăng lưới tứ niệm xứ ra, có phiền não nào dính ở lưới ấy, bắt rồi ăn hết. Đúng như ngài Anuruddha thuyết:

"Là hành giả tu tập về minh sát, cần phải giăng cái lưới tứ niệm xứ ra, đóng cả sáu cửa lại, thấy phiền não nào dính ở đấy thì bắt giết hết."

229. Về hài nhi

- Về hài nhi bú vú mẹ là khi đói, nó khóc lóc đòi bú. Và sữa là loại vật thực duy nhất có lợi ích cho cơ thể, cho sự sinh trưởng và sanh mạng của nó. Cũng tương tự thế, bậc hành giả có nhu cầu một loại sữa như thế để đem đến lợi ích cho mình, về giới hạnh, về định lực, về tuệ mạng v.v... Nguồn sữa ấy chính là pháp, là sự tinh cần tu tập nơi thanh vắng, là thân cận bạn lành, tri túc vật thực và chỗ ở bên cạnh thầy tế độ, thầy a-xà-lê, là học về chú giải và pàli v.v... Đúng như Phật ngôn:

"Này Ananda! Như Lai nhắc nhở ông hằng tìm lợi ích cho mình, cố gắng thực hiện lợi ích cho mình, đừng dễ dãi, phóng dật trong sự lợi ích ấy. Phải tinh cần thiền định."

230. Về rùa vàng

- Về rùa vàng chỉ có một điều, là nó sợ nước, đi đâu cũng tránh nước. Nó có tuổi thọ dài lâu là do nhờ không uống nước. Cũng vậy, bậc hành giả chớ nên đắm mình trong sự dễ dãi, hằng sợ hãi trong sự dễ dãi - thì sẽ được tăng trưởng tuệ mạng, sẽ thành tựu Niết bàn vô sanh bất tử.

231. Về rừng

Đức vua Mi-lan-đà nói:

- Về rừng thì có năm điều; xin đại đức giảng cho trầm nghe.

- Vâng,

Điều thứ nhất là rừng già thường che dấu tội phạm; cũng vậy, tâm của bậc hành giả không nên quá khích trước những người hư xấu, cần cho họ nương tựa.

Điều thứ hai, rừng già là nơi không có người qua lại; cũng vậy, bậc hành giả đừng để cho tham luyến, sân hận, si mê qua lại tâm mình.

Thứ ba, rừng già là nơi vắng lặng; cũng vậy, bậc hành giả phải vắng lặng điều ác, vắng lặng những tâm địa thấp thỏi của phàm nhơn.

Thứ tư, rừng già là nơi thanh tịnh chưa bị thế gian làm cho dơ bẩn; cũng vậy, bậc hành giả phải giữ tâm thanh tịnh, đừng để cho ngã chấp và bội ơn làm cho cấu ố.

Thứ năm, rừng già là nơi cất chứa những hương liệu quý báu; cũng vậy, bậc hành giả ẩn chứa những hương liệu quý báu, của giới, của tuệ.

Năm chi của rừng chính là năm chi của bậc Thánh nhân, những người hằng an lạc, thỏa thích trong rừng già, tâu đại vương!

232. Về cây đại thọ

- Tâu đại vương! cây đại thọ có ba điều như sau:

Thứ nhất, nó hằng ra hoa và kết trái. Bậc hành giả cũng hằng đơm hoa kết trái *giải thoát hương và sa môn quả*.

Thứ hai, người và thú đi ngang hoặc ghé đến đều nương nhờ bóng mát của cây; cũng vậy, ai đến gần gũi, thân cận, bậc hành giả phải có tâm mát mẻ, nói lời từ hòa, dịu ngọt.

Thứ ba, cây đại thọ tỏa bóng mát không có tâm phân biệt đối xử, là người, thú hay chim; cũng vậy, bậc hành giả phải rải tâm từ đều khắp chúng sanh không phân biệt bạn hay thù, thương hay ghét...!

Đúng như bài kinh từ bi: "*Cầu nguyện cho tất cả chúng sanh đừng có oan trái lẫn nhau, vô khổ, vô bệnh, trường thọ, an vui.*" Tương tự thế, đức Pháp chủ Xá-lợi-phất có thuyết rằng: "*Đức Vô thượng sư có tâm đại bi đồng đẳng đối với vạn loài, ngài đối với Devadatta, Anguli-màla, cũng giống như đối với Ràhula vậy thôi.*"

233. Về mưa

- Tâu đại vương, mưa có tính năng trôi chảy tất cả, không kể là sạch dơ về với biển cả, bậc hành giả cũng phải dùng tuệ cuốn đi tất cả phiền não thô hay tế.

Thứ hai, mưa làm mát quả địa cầu và cây cối, bậc hành giả cũng phải làm sao cho chư thiên và loài người dứt trừ những tâm địa nóng nảy, được an trú dịu mát trong năng lực của tâm từ.

Thứ ba, mưa làm cho hạt mầm lên tược, lên chồi, lên lộc, bậc hành giả cũng phải tinh tấn tu luyện, phát khởi lòng tịnh tín, gieo hạt giống tịnh tín để thành đạt ba điều: thành đạt làm người, thành đạt làm chư thiên an nhàn, và tối hậu, thành đạt quả hạnh phúc Niết bàn.

Thứ tư, mưa giúp duy trì cội rễ của mọi loại thảo mộc, dây leo, dược thảo, cây rừng. Bậc hành giả cũng phải biết y cứ vào phương pháp phát sanh trí tuệ - tức là hướng tâm đúng, tác ý đúng (*như lý tác ý*), duy trì các pháp của sa môn đức hạnh - để từ đó mọi thiện pháp được phát triển từ các căn bản vững mạnh.

Thứ năm, mưa làm cho khe suối, mương rãnh, sông hồ được đầy tràn; cũng vậy, bậc hành giả phải làm sao cho Kinh, cho Pháp xuất thế gian tràn đầy trong tâm trí chư thiên và nhân loại. Đức Xá-lợi-phất, với ý tương tự vậy, có thuyết rằng: "*Đức Thế Tôn trú trong từ bi định, ngài quán xét những người hữu duyên nên tế độ. Sau khi thấy người hữu duyên, xuất khỏi từ bi định, dù có xa xôi cách mấy, ngài cũng tìm đến nơi để tế độ cho người ấy.*"

Đấy là năm chi về mưa, có đầy đủ trong tâm một vị Thánh nhân, tâu đại vương!

234. Về ngọc mani

- Về ngọc mani thì có ba tính chất, tâu đại vương.

Thứ nhất, ngọc mani trong sạch, thuần khiết; cũng vậy, bậc hành giả có giới hạnh, nuôi mạng trong sạch và thuần khiết như ngọc mani vậy.

Thứ hai, ngọc mani bản chất không dính các vật dơ uế; cũng vậy, tâm của bậc hành giả không để cho các xấu ác làm hoen ố mình; không thân cận bạn bè hoặc người có tâm xấu ác.

Thứ ba, ngọc mani thuộc dòng dõi ngọc cao quý vô song, giữ gìn phẩm chất cao quý vô song của mình; cũng vậy, bậc hành giả noi gương ngọc mani để gìn giữ phẩm chất dòng dõi cao thượng của mình. Ấy là dòng dõi Thánh nhân Tu-đà-hườn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán; nghĩa là bậc hữu học, bậc vô học, bậc đắc tam minh, bậc đắc lục thông. Đức Thế Tôn có thuyết rằng:

"Các thầy là người có giới trong sạch và có chánh niệm, thường thích thân cận với người có giới và người có chánh niệm; nhờ vậy, giới và trí của các thầy sẽ già dặn thêm lên. Đây là nguyên nhân giúp cho các thầy chấm dứt tất cả khổ đau, phiền não."

235. Về người săn bắn

- Về người săn bắn thì có bốn chi phần, nếu so sánh với bậc hành giả, sẽ có những điểm tương đồng như sau:

Thứ nhất, người săn thú khi đi săn, núp rình để săn thú, luôn luôn thức tỉnh và cảnh giác; bậc hành giả cũng vậy, luôn luôn thức tỉnh và cảnh giác như vậy.

Thứ hai, tâm người săn thú chỉ buộc chặt vào một cảnh giới duy nhất là dòm chừng con thú để giết nó. Bậc hành giả cũng y như vậy, tâm phải dính chặt vào đề mục của pháp hành để nhằm đắc được những pháp cao siêu, không hề buông lơi.

Thứ ba, người săn thú hằng biết rõ công việc của mình, thời này nên săn hướng này, chỗ này; thời khác nên săn hướng kia, chỗ khác. Cũng vậy, bậc hành giả thường biết công việc của mình, thời này nên nhập thiền, thời kia nên xuất thiền v.v...

Thứ tư, người săn bắn khi được con thú, hằng thỏa thích vui sướng như thế nào, bậc hành giả khi đắc pháp cũng lạc mãn, hỷ mãn như thế. Đúng như Đức Monggallàna (*Mục kiên liên*) đã thuyết: "*Bậc hành giả khởi sự tinh cần tiến hành thiền định, khi an trú vào cảnh giới của thiền rồi, vị ấy hoan hỷ nghĩ đến những pháp cao siêu mình cần phải chứng đạt.*"

236. Về người câu cá

- Về người câu cá thì có hai điểm sau đây, tâu đại vương.

Trước hết, người câu cá thường câu bằng cần câu. Bậc hành giả cũng dùng trí tuệ là cần câu để câu lấy các sa môn quả.

Thứ nữa, người câu cá chỉ dùng một chút ít mồi có thể câu được cá to. Bậc hành giả cũng vứt bỏ chút ít vật chất thế gian mà câu được sa môn quả là những *con cá* rất vĩ đại, rất quý báu, rất cao thượng.

Đại đức Ràhula có thuyết: "*Bậc hành giả vứt bỏ sự lưu luyến thế gian sẽ đắc vô tướng giải thoát, không giải thoát, bốn đạo quả và sáu thần thông.*"

237. Về thợ bào gỗ

- Về thợ bào gỗ thì có hai điều sau đây:

Một là, người thợ bào sau khi cưa gỗ theo đường mục, phải bào gỗ theo đường mục đã nẩy ấy. Bậc hành giả cũng phải làm như người thợ cưa, thợ bào gỗ ấy. Thực hành theo lời giáo huấn của Đức Thế Tôn là làm theo đường mục, chân đứng trên mặt đất là giới, dùng tay nắm chắc cái bào là đức tin, bào theo đường chỉ là trí tuệ.

Hai là, trước khi bào, người thợ dùng rìu để bỏ phần dác, phần gỗ xấu, chỉ lựa phần tốt, phần lõi của gỗ. Cũng vậy, bậc hành giả phải lấy trí tuệ để bỏ tà kiến, cố chấp - những phần dác bên ngoài - chỉ lấy phần cốt lõi, tinh túy của pháp. Tinh túy của giáo pháp chính là tam ấn: vô thường, khổ não, vô ngã.

Tương tự như vậy, Đức Thế Tôn có thuyết:

"Sau khi đã hủy trừ si mê và tà kiến, các người còn cần phải quét dọn tất cả rác rến của phiền não để sống đời thuần tịnh, thanh khiết của bậc sa môn. Phải luôn luôn tâm niệm mình là sa môn, không thể có hành động hay cử chỉ thấp hèn; đừng nên thân cận với người xấu ác chẳng phải là sa môn. Phải có chánh niệm để sống đời phạm hạnh xứng đáng."

238. Về người thợ gốm

- Người thợ gốm khi nhồi nặn đất sét thường ngậm nước đầy miệng rồi từ từ phun ra. Khi đang ngậm nước, người thợ gốm không thể mở lời, không thể nói chuyện được. Bậc hành giả khi đã ngậm đầy ba-la-mật, ngậm đầy pháp xuất thế gian rồi thì không bao giờ khoe khoang nói ra những pháp mình đã thành tựu. Tại sao vậy? Vì lợi lộc thế gian, danh vọng thế gian và ngã chấp vị ấy đã tiêu trừ, không còn lý do gì để vị ấy phô trương chứng tỏ thể này thể kia với đời.

Đức Chánh Đẳng Giác có thuyết: *"Người không ngậm nước sẽ nói chuyện với giọng to, nhỏ đều được; nhưng người đã ngậm nước đầy miệng thì không thể nói năng. Người nói nhiều, khoe khoang, nói ồn ào chính là người ngu. Người im lặng, ít nói hoặc không nói - chính là người trí - vì đã đầy giáo pháp trong miệng mình."*

239. Về con quạ

- Hai chi của con quạ là như sau:

Thứ nhất, con quạ mỗi lần uống nước, nó lấy cái mỏ như cái ống hút, hút nước lên; bậc hành giả tu tập phạm hạnh cũng y như thế, phải dùng "*hướng tâm đúng*", "*chú ý đúng*" như cái ống hút để hút những phẩm tính cao thượng, những thiện pháp.

Thứ hai, con quạ hút nước là hút một lần thật nhiều, không hút thêm lần hai, nhưng không bị hộc nước, bị sặc nước bao giờ. Bậc hành giả cũng vậy, hút thật nhiều ân đức của Phật, ân đức của Pháp, ân đức của Tăng; rồi nhờ ân đức ấy bảo trợ để phát triển minh sát, thấy rõ ngũ uẩn là vô thường để chứng đắc tuệ giác.

240. Về cái dù

- Về cái dù thì có ba chi, tâu đại vương.

Thứ nhất: cái dù thường dùng để che trên đầu, bậc hành giả cũng phải tu tập các pháp cao thượng để che tâm vậy.

Thứ hai: cái dù thường bảo vệ cho cái đầu được mát mẻ. Cũng vậy, bậc hành giả dùng phương pháp của trí tuệ (*chú tâm đúng, tác ý đúng, hướng tâm đúng*) để bảo vệ cái tâm và thiện pháp của mình.

Thứ ba: cái dù dùng để che nắng, che mưa. Cũng vậy, bậc hành giả phải ngăn che phiền não, ba thứ lửa; ngăn che các loại tà kiến và mọi tư tưởng độc hại. Đúng như Đức Pháp Chủ có thuyết: "*Cái dù muốn che chắn tốt, có bóng mát, phải là dù không hư lủng, gọng chắc chắn; tương tự vậy, người Phật tử có dù tốt tức là giới trong sạch để che mưa tức phiền não, che nắng tức là ba thứ lửa vậy.*"

241. Về đám ruộng

- Về đám ruộng, có ba chi như sau:

Đầu tiên, ruộng phải có mương để tát nước vào. Bậc hành giả tu tập cũng như đám ruộng vậy, phải cần có mương nước *tức là pháp* để thực hành, để dẫn nước vào trong đám ruộng của mình.

Tiếp đến, ruộng cần có bờ bảo vệ ruộng, lưu trữ nước để nuôi cây lúa. Bậc hành giả cần *phải có giới* làm bờ để giữ gìn, bảo vệ sa môn pháp, để nuôi bốn sa môn quả.

Sau cùng, nếu đám ruộng được chuẩn bị tốt thì khi gieo giống xuống sẽ gặt hái được nhiều, càng gieo nhiều thì càng thu hoạch được nhiều hơn nữa. Đây là điều hạnh phúc cho người chủ ruộng. Bậc hành giả cũng *phải là đám ruộng được chuẩn bị tốt* - do có mương nước, bờ nước, phân bón v.v... cho thí chủ gieo hạt giống lành sẽ được phước báu lớn lao. Đúng như đại đức Upali có thuyết: "*Bậc hành giả phải như đám ruộng tốt để các thí chủ gieo những hạt giống lành sẽ thu được kết quả viên mãn.*"

242. Thuốc trị độc rắn

- Thuốc trị độc rắn có hai tính dụng:

Một là, thuốc trị độc rắn không bao giờ để cho giò bọ phát sanh lên được. Bậc hành giả tu tập *phải như thuốc trị độc rắn* vậy, đừng cho giò bọ phiền não phát sanh.

Hai là, người bị rắn độc cắn, khi thoa thuốc trị độc rắn rồi, nọc độc sẽ biến mất. Cũng vậy, hành giả tu tập *minh sát* khi đã có tuệ giác soi chiếu rồi, các độc tham, độc sân, độc si sẽ biến mất. Đúng như Phật ngôn:

"Muốn thấy sự thật của các hành (Sankhàra), các trạng thái sinh diệt của pháp, cần phải dứt trừ độc của rắn, ấy là phiền não."

243. Về vật thực

- Về vật thực, có ba điều cần phải nghiên cứu, tâu đại vương.

Thứ nhất, vật thực hằng nuôi mạng chúng sanh, cũng vậy, bậc hành giả cần trợ giúp cho tất cả chúng sanh.

Thứ hai, vật thực giúp cho chúng sanh có sức mạnh, bậc hành giả cũng phải đem sức mạnh - *tức là phước báu* - đến cho chúng sanh.

Thứ ba, vật thực là nơi mong cầu, là sự tìm kiếm của tất cả chúng sanh; bởi vậy, bậc sa môn phải có giới, pháp như thế nào để chúng sanh được nương nhờ. Đúng như đức Mogharaja đã thuyết: "*Vị tỳ khuru phải hoan hỷ ở trong phẩm mọ sa môn của mình, hằng có giới đức và pháp hành đầy đủ để làm nơi nương tựa cho chúng sanh ở trên cõi đời này.*"

244. Về người bắn cung

Đức vua Mi-lan-đà nói:

- Thừa đại đức, ví dụ thật là quá nhiều. Dường như trên thế gian có vật gì, có sự kiện nào, đại đức đều có thể lấy làm ví dụ, khả dĩ so sánh, đối chiếu với sa môn hạnh được cả. Bây giờ, thời gian cũng đã phải lẽ, đại đức cho nghe thêm một ví dụ thật đầy đủ nữa thôi, như thế cũng đã thỏa nguyện bình sinh lắm rồi.

- Tâu, vâng. Vậy thì đại vương nghe thêm ví dụ về người bắn cung.

- Thừa, vâng.

- Bắn cung thì có bốn chi điều như sau:

Thứ nhất, trước khi bắn, người bắn cung phải đứng vững chắc hai chân trên đất, giữ đầu gối đừng rung động, giữ thân đừng chao đảo, hai tay nắm chắc cây cung đưa lên ngang tai, kẹp mũi tên giữa hai ngón tay, nhắm một mắt, nhắm kỹ mục tiêu, với ý nghĩ rằng *mình sắp sửa bắn*. Cũng vậy, bậc hành giả có hai chân vững chắc là *tinh tấn*, đứng trên đất là *giới*, đầu gối và thân đừng rung động, nghĩa là tâm phải nhẫn nại, kiên định, trú trong pháp, có sự thu thúc; hướng đến mục tiêu là *hướng tâm với trí tuệ, có chánh niệm*. Khi ấy, hành giả sẽ bắn trúng mục tiêu là *phiền não*.

Thứ hai, mũi tên sở dĩ bắn trúng được mục tiêu, một phần nhờ vào mũi tên thẳng, bởi vậy người thợ làm mũi tên phải làm một đoạn gỗ ngàm để uốn mũi tên cho thẳng. Bậc hành giả cũng cần phải có khúc gỗ ngàm ấy - *tức là tứ niệm xứ* - để uốn cái tâm cong cho ngay thẳng.

Thứ ba, người thợ bắn cung phải để tâm vào chỗ ngắm. Chú ý vào chỗ ngắm tốt, mục tiêu mới dễ đạt. Cũng vậy, bậc hành giả phải quan sát, chú ý, để tâm thấy rõ vô thường chính là khổ, là có bệnh, là cục bướu, là mụn nhọt, là kiết sử cột chặt ta ở trong luân hồi, là điều tai hại, đáng sợ hãi, chẳng có gì trường tồn bất hoại. Vô ngã cũng thế, nó không có tự tính, chẳng có thể làm nơi nương nhờ, là rỗng không, là không thật hữu, là sinh diệt. Vô thường và vô ngã ấy là tính chất của pháp hữu vi, nó hằng chuyển biến không cố định, không kiên cố; nó chỉ là duyên tạo thành, tràn đầy ma chướng, chỉ có sanh, bệnh tật, đau ốm, già nua rồi chết chóc... Tất cả chúng chỉ đưa đến buồn rầu, khóc than kể lể, uất ức, hờn giận v.v... Bậc hành giả phải quán thị như thế, lấy đó làm cơ sở hướng đến mục tiêu lìa khỏi tam giới, dứt trừ ái luyến để đi đến nơi giải thoát.

Thứ tư, nếu người bắn cung muốn trở thành một xạ thủ thiện xảo thì phải không ngớt tập luyện ngày đêm, tháng này sang tháng nọ, năm này qua năm khác. Bậc hành giả muốn đắc đạo quả tối thượng thì cũng phải quán xét tâm mình, rèn

luyện tâm mình, mỗi thời mỗi khắc không thể lơ là... Đúng như Đức Pháp chủ Xá-lợi-phất thuyết rằng: *"Người bắn cung hằng tập luyện đêm ngày, công phu lao nhọc nhiều năm mới trở thành người bắn cung tài giỏi. Thành quả mà y đạt được, được đức vua hâm mộ, trọng thưởng xứng đáng... nào tài sản, ngựa xe v.v... thật không phải tự dưng mà có. Phải trải qua thời gian tập luyện vậy. Các hàng Phật tử là hành giả đang tu tập, nếu mong thoát khổ, muốn được phần thưởng quả vị A-la-hán với những phẩm tính cao siêu, thì cũng phải đêm ngày quán xét thân tâm, rèn luyện thân tâm mình như người bắn cung vậy."*

Đấy là bốn điều về người bắn cung, tâu đại vương!

III. SAU CUỘC VẤN ĐÁP

Khi dứt các câu hỏi và đáp giữa đức vua Mi-lan-đà và đại đức Na-tiên, ngay lúc ấy, phát sanh hiện tượng phi thường là quả địa cầu dày bốn mươi do tuần rung động, rung chuyển dữ dội, sấm chớp ở lưng trời xẹt chiếu khắp các hướng. Trên hư không, chư thiên rải hoa cúng dường. Trời đại phạm thiên phát tâm hoan hỷ, không hết lời ca ngợi, tán dương. Sóng giữa biển khơi dâng lên cao, ì ầm không ngớt.

Đức vua Mi-lan-đà, bá quan, cung phi mỹ nữ, quân lính theo hầu đồng quỳ xuống chấp tay đảnh lễ rất thành kính.

Thật là một sự kiện trọng đại đối với đức vua, vì qua cuộc vấn đáp, ngài đã lãnh hội được biết bao nhiêu điều cương yếu của giáo pháp, đã làm cho yên lặng tất cả mối hoài nghi. Đức vua vô cùng hoan hỷ, đức tin thanh khiết đối với Tam Bảo được củng cố, tăng trưởng, ngài rất ngưỡng mộ oai đức của bậc xuất gia phạm hạnh.

Hiện giờ, bao nhiêu ngã chấp của đức vua đều tiêu tan. Bản chất ngạo mạn, cứng đầu, khoe khoang, coi trời đất không ra gì của ngài cũng đã chấm dứt.

Như rồng chúa có rất nhiều thần lực, khi đã nhỏ răng và bẻ vuốt đi rồi thì không còn chất độc để tác hại ai được nữa, đức vua chấp tay cung kính:

- Kính bạch đại đức Na-tiên! Tất cả những câu hỏi của trăm đưa ra, có một số câu rất khó, thuộc trình độ của Phật, thế mà ngài đã giải đáp rất minh bạch, rành rẽ, khúc chiết. Trong giáo hội của Đức Tôn Sư, từ xưa đến nay, ngoại trừ đức Pháp chủ Xá-lợi-phất ra, có lẽ không ai giải đáp nổi. Ngài đúng là bậc có trí tuệ vô song vậy.

Trong thời gian vừa qua, khi đặt những câu hỏi, khi đưa ra vấn đề hoặc những khi hỏi ngược lại; dù vô tình hay cố ý, nếu có chỗ nào trăm thất lễ, khiếm khuyết, xin ngài rộng lòng bi mẫn hỷ xả; và trăm cũng xin cung kính được sám hối.

Kính bạch đại đức! Xin ngài hãy chứng minh và nhận biết cho trăm là người quy y Tam Bảo, kể từ ngày nay trở đi, xin ngài là nơi nương nhờ cho đến trọn đời.

Đại đức Na-tiên im lặng nhận lời, trao truyền quy giới cho đức vua Mi-lan-đà; ngài nói ít lời sách tấn, khuyến hóa, dạy nhà vua hãy sống thuần thành là một người con Phật, kính tín Tam Bảo và chăm lo hạnh phúc đến cho bá tánh.

Thời gian sau, đức vua Mi-lan-đà cho kiến tạo một ngôi chùa lấy tên là *Mi-lan-đà* dâng cúng đến đại đức Na-tiên. Kể từ đó, Chư Tăng mười phương vân tập về chùa này rất đông. Và đức vua là người hết lòng phục vụ, hộ độ đến Tăng-già rất đầy đủ.

Càng ngày dường như giáo pháp cao thượng càng thấm sâu vào đời sống, đức vua cảm thấy không còn thích thú đến vương vị, phú quý hay quyền lực nữa. Ngài bèn truyền ngôi cho hoàng tử để có thể có đủ thì giờ chiêm nghiệm giáo pháp nhiệm mầu. Ngài thấy thật rõ rằng, thế gian quả là thấp thỏi, hạ liệt, người ta hằng tìm cho mình những thú vui ngũ dục tầm thường. Quả thật, thế gian này bị chi phối bởi ba định luật *vô thường, khổ* và *vô ngã*; chẳng có gì tồn tại chắc bền, chẳng có gì là thực, đáng gọi là nên đam mê, thích thú. Ở đâu cũng thấy khổ, thấy mê lầm, thấy tội, thấy dục, thấy lửa cháy... Ngài để tâm tư quán xét mười một tầng của cõi dục giới, gồm bốn ác đạo, người và sáu tầng trời dục giới. Rồi ngài lại quán xét, tư duy mười sáu tầng trời phạm thiên hữu sắc, luôn cả bốn tầng trời vô sắc; ngài cảm thấy rất rõ ở trong tâm rằng, chẳng có nơi nào xứng đáng để cho kẻ trí nương trú. Nơi này là *dục thô thiển, phiền não thô thiển*. Nơi kia là *dục vi tế, phiền não vi tế*. Ở đâu cũng *vô thường, khổ* *nhão, vô ngã*. Ở đâu cũng quanh quẩn lui tới trong luân hồi sinh tử.

Cái đô thành pháp bảo, cái vương quốc của giống dòng thượng đẳng, tức là nơi hạnh phúc chân thật, mới xứng đáng cho kẻ trí kiếm tìm. Thực hiện *con đường* ấy đòi hỏi sự gian nan, kiên trì; và nhất là phải từ bỏ thế gian, phải khoác phẩm mạo sa môn theo chân đại đức Na-tiên!

Nghĩ là làm. Thế rồi, một đêm kia, không cho ai hay biết, đức vua Mi-lan-đà lặng lẽ rời bỏ hoàng cung, đổi hoàng bào lấy chiếc áo khoác của người khát sĩ, tìm đường xuất gia, sau đó sống đời không nhà cửa của một sa môn chân chính.

Vốn đã trang bị cho mình một pháp học uyên thâm, vị sa môn này không mấy khó khăn khi chuyển qua pháp hành. Nhờ sự tinh cần, kiên trì tiến tu chỉ tịnh, quán minh; không bao lâu sau, ngài đắc *giải thoát bảo cái trắng* làm cho tổ ngộ Niết-bàn, thành bậc A-la-hán vô sanh.

Nói tóm lại, nhờ trí tuệ, đức vua Mi-lan-đà không ngớt tầm cầu học hỏi, tra vấn, thao thức mà duyên may gặp được đại đức Na-tiên. Nhờ gặp đại đức Na-tiên, một bậc đại trí tuệ, mà trí tuệ của đức vua Mi-lan-đà đã được phát huy, tăng trưởng. Và sau rốt, cũng nhờ trí tuệ ấy mà đức vua Mi-lan-đà đã thành tựu được

phần thưởng tôn vinh, cao quý nhất của kiếp người - *giải thoát khỏi phiền não sinh tử* - khó tìm, khó kiếm, nan hành, nan đắc.

Vì lãnh hội được giá trị cao cả, ưu thắng của trí tuệ ấy, các bậc A-xà-lê đã trước tác một kệ ngôn, tán dương đức tính ưu việt của trí tuệ như sau:

"Thế gian hằng tán dương, ca ngợi trí tuệ. Nhờ trí tuệ mới thấu triệt được chánh pháp và trú vững trong chánh pháp. Trí tuệ chấm dứt tất cả mọi hoài nghi để nếm thưởng được hương vị của pháp. Chánh niệm có mặt ở đâu thì trí tuệ phát sanh ở đấy. Chánh niệm trú ở pháp nào thì trí tuệ cũng trú ở pháp ấy. Người có trí tuệ xứng đáng thọ nhận sự cung kính, cúng dường. Người có trí tuệ là người phi thường, quý báu - trên thế gian không ai quý báu hơn. Cúng dường trí tuệ, cung kính trí tuệ giống như cúng dường và cung kính bảo tháp thờ các vị A-la-hán vậy."

Bộ kinh ***Mi-lan-đà sở vấn***, tức là bộ kinh ghi lại những câu hỏi của đức vua Mi-lan-đà và những câu đáp của đại đức Na-tiên được chấm dứt ngang đây.

-HẾT-

Kính Cáo

Thượng tọa Chánh Niệm - trụ trì chùa Phật Bảo, số 57 đường Lạc Long Quân, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh - tìm trong di cảo của cố Hòa thượng Giới Nghiêm, thấy Ngài đang làm lại trọn bộ kinh Mi-tiên Vấn đáp. Nghĩ đến giá trị của bộ kinh và cũng muốn đáp đền ân đức của Thầy Tổ, Thượng tọa Chánh Niệm đã không quản công lao và thời gian, quyết tâm hoàn thành di chí của Ân sư.

Là đệ tử của Ngài, tôi thật sự cảm kích trước việc làm của Thượng tọa Chánh Niệm; nên không nệ tài hèn sức kém, không ngại Phật sự đa đoan bộn bề, đã góp sức cùng Thượng tọa hầu để hoàn thành tác phẩm này.

Sau hai năm làm việc, quyển kinh có nội dung như hiện nay, tương đối dễ đọc, dễ hiểu đối với đại chúng, nhưng chúng tôi thấy mình đã vấp phải những lỗi lầm sau đây:

- Đã không còn theo sát nguyên văn bản dịch của Thầy Tổ.
- Đã đi xa bản kinh Pàli văn và cả bản tiếng Anh.

Vì vậy, tất cả những lệch lạc, khiếm khuyết ở đâu đó trong quyển kinh này, trách nhiệm thuộc về phần chúng tôi. Chỉ có một điều được an ủi, mà chúng tôi biết, là nội dung quyển kinh không sai lạc với giáo pháp uyên nguyên.

Chúng Đệ tử chân thành sám hối với Ân sư. Kính cáo lỗi cùng các bậc thức giả, trí giả và mong chư vị niệm tình hỷ xả.

Trân trọng,

Trụ trì chùa Phật Bảo, Tp HCM
Tỳ kheo Chánh Niệm Sammasati
(Nguyễn Đình Pháp) Phong Trúc Am, Huế
Mùa Phật Đản 2544
Tỳ kheo Giới Đức Silaguno

Thi Điếu

Ân Sư Cố Hòa Thượng Giới Nghiêm

Thế danh Nguyễn Đình Trần

(1921 - 1984)

Viên tịch lúc 10g10 ngày 13 tháng 7 năm Giáp Tý

(9-8-1984 - P.L. 2528)

Tác bạch Giác linh Ân sư!

Hỡi ôi!

Khứ lai giả mộng!

Sinh tử thị thường!

Đau đớn vậy mà xót xa đành vậy!

Khôn cầm lệ, giọt phàm tình rưng chảy!

Nghĩa Sư đồ đại hải ba xuân,

Giòng nước xao, bóng núi vẫn còn,

Hài mây dẫu, non cao ngời bóng trượng!

Ôi!

Đói chút cơm thừa, y vụn,

Từ Linh sơn nghĩa trọng,

Truyền lưu áo bát mấy nghìn sau!

Ôi!

Khát dòng sữa ngọt thanh lương,

*Từ kim khẩu Pháp vương,
Diệu hóa ba thời vô lượng nghĩa!
Với chí nguyện chơn truyền Tây Thổ,
Ngài du phương liệt quốc tâm nguyên!
Tứ cố vô thân,
Cõi Pháp, con thuyền!
Lìa thân thế, lìa gia hương,
Hoài bão trái tim trang nguyệt rạng!
Đơn thân độc bộ,
Trần chân vạn lý!
Nào hư vinh, nào huyễn mị,
Ngược cao vàng trán đuốc tinh vân!
Thế mà hỡi ôi!
Lạc quốc cao đăng,
Báo thân xả đoạn!
Dẫu chốc thoáng, ba đời ân nặng,
Chưa trăm năm, một cõi từng già!
Chốn Thiên môn,
Tặng lữ nguyệt sương pha,
Cõi trần thế, môn đồ hoa cỏ dại!*

*Đã từng khuyết chỗ ngòi cao đức!
Chừ đành sao đáy nước trầm châu?
Tín nữ, thiện nam lặng lẽ kinh cầu,
Bửu quyển, môn sinh
bùi ngùi tưởng niệm!
Nhớ Giác linh xưa,
Yêu quê hương như ruột thịt,
Xót sinh chúng tợ xương da!
Tổ quốc Bắc, Nam, bốn biển một nhà,
Phật giáo dị, đồng,
hai phương nhất thống!
Vì bi tâm mà dũng mãnh,
Bởi tuệ lực nên kiên cường!
Chí xuất phàm nào phải óc tư lương,
Hạnh đại sĩ làm sao người suy xét?
Bởi thế cho nên,
Thân hành, ngôn giáo,*

*Quyền biến, cơ tùy!
Đạo và Đòi đâu nở mối phân ly?
Bỉ và thử phải vẹn tình giai kết!
Tiểu sử đã nên trang kiệt hiệt,
Thanh danh vốn thành đức Chân Nhân!
Ngửa mặt lên, nguyệt tỏ giang san,
Ngoảnh đầu lại, trí soi tình lý!
Miền giác ngộ, đâu hay hưng phế,
Cõi mê đồ, càng rõ thịnh suy!*

*Ôi! Giác linh ôi!
Sinh phần là đâu? nhục thể là đâu?
Tứ đại giai không; thể phách, tinh anh,
Sống, thác: bạch vân nhất phiến!
Quán quê vậy đó! thể thân vậy đó!
Ba đời hư huyền; nhân thần, linh tánh,
Ngộ, mê: diệu tuệ sát na!
Sinh tử hề! phi vân!
Khứ lai hề! lưu thủy!
Áo nhập thế, trăng vàng tịnh thổ,
Chân ly trần, hoa trắng thanh sơn!*

*Hôm nay,
Cử niệm bi ai;
Đồng văn khắp điệu!
Hồn sông núi trọn tình kính mộ,
Lòng trăng sao một dạ cảm thương!
Môn đồ, đại chúng sầu vương,
Tăng Ni, Tôn đức trầm hương chí thành!
Nhìn di tượng, long lanh đáy mắt,
Trông kim quan, ruột thắt đòi cơn!
Sinh như hà, tử như thị,
Hồn phách phiêu diêu chứng giám!
Ân thùy tri, công thùy tri,
Thiên địa mang mang lạc khoản!*

*Đề đầu khắp điệu
Đại chúng môn đồ!
Thành kính dâng lên*

*Giác linh Cố Hòa thượng
Ân Sư Giới Nghiêm.
Ngưỡng nguyện Giác linh Ngài
cao đẳng Phật quốc.*

*Đệ tử,
Bhikkhu Silaguno
(Tỳ Kheo Giới Đức)*